



NHỰA BÌNH MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn



Từ năm 1997

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ ỚNG NHỰA PVC-U
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Ớng PVC-U hệ Inch mở rộng
Tham chiếu theo TCVN 8491:2011 và tiêu chuẩn ISO 1452:2009
(TCCS 207:2022)

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|--------------|-------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø 21 | 21 x 1,3mm | 12 | 9.700 | 10.476 |
| | | 21 x 1,7mm | 15 | 10.400 | 11.232 |
| 2 | Ø 27 | 27 x 1,6mm | 12 | 13.800 | 14.904 |
| | | 27 x 1,9mm | 15 | 16.000 | 17.280 |
| 3 | Ø 34 | 34 x 1,9mm | 12 | 20.000 | 21.600 |
| | | 34 x 2,2mm | 15 | 23.100 | 24.948 |
| 4 | Ø 42 | 42 x 1,3mm | 6 | 18.100 | 19.548 |
| | | 42 x 1,9mm | 9 | 26.000 | 28.080 |
| | | 42 x 2,2mm | 12 | 29.600 | 31.968 |
| 5 | Ø 49 | 49 x 1,5mm | 6 | 22.700 | 24.516 |
| | | 49 x 2,1mm | 9 | 32.700 | 35.316 |
| | | 49 x 2,5mm | 12 | 39.400 | 42.552 |
| 6 | Ø 60 | 60 x 1,8mm | 6 | 36.700 | 39.636 |
| | | 60 x 2,5mm | 9 | 49.800 | 53.784 |
| | | 60 x 3,1mm | 12 | 74.300 | 80.244 |
| 7 | Ø 90 | 90 x 1,7mm | 4 | 48.000 | 51.840 |
| | | 90 x 2,6mm | 6 | 77.600 | 83.808 |
| | | 90 x 3,5mm | 9 | 101.000 | 109.080 |
| | | 90 x 4,6mm | 12 | 138.600 | 149.688 |
| 8 | Ø 114 | 114 x 2,2mm | 4 | 84.400 | 91.152 |
| | | 114 x 3,1mm | 6 | 117.000 | 126.360 |
| | | 114 x 4,5mm | 9 | 163.400 | 176.472 |
| | | 114 x 6,0mm* | 12 | 244.000 | 263.520 |
| 9 | Ø 168 | 168 x 3,2mm | 4 | 178.800 | 193.104 |
| | | 168 x 4,5mm | 6 | 242.900 | 262.332 |
| | | 168 x 6,6mm | 9 | 350.600 | 378.648 |
| | | 168 x 8,8mm* | 12 | 473.100 | 510.948 |



* Ghi chú: (*) Ớng được sản xuất theo đơn đặt hàng.

Trang 1/2

Ống PVC-U hệ Inch mở rộng
Tham chiếu theo TCVN 8491:2011 và tiêu chuẩn ISO 1452:2009
(TCCS 207:2022)

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|---------------|-------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 10 | Ø 220 | 220 x 4,2mm | 4 | 298.500 | 322.380 |
| | | 220 x 5,6mm | 6 | 396.900 | 428.652 |
| | | 220 x 8,3mm | 9 | 568.800 | 614.304 |
| | | 220 x 10,3mm* | 12 | 692.100 | 747.468 |





CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hộ Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PVC-U
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Ống PVC-U Hệ Inch chịu áp lực cao
Tham chiếu theo ISO 1452:2009

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|-----------|-------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø 21 | 21 x 3mm | 32 | 16.900 | 18.252 |
| 2 | Ø 27 | 27 x 3mm | 25 | 22.300 | 24.084 |
| 3 | Ø 34 | 34 x 3mm | 19 | 28.300 | 30.564 |
| 4 | Ø 42 | 42 x 3mm | 15 | 36.600 | 39.528 |
| 5 | Ø 49 | 49 x 3mm | 13 | 42.600 | 46.008 |
| 6 | Ø 60 | 60 x 3mm | 10 | 53.400 | 57.672 |
| 7 | Ø 90 | 90 x 3mm | 7 | 80.000 | 86.400 |
| 8 | Ø 130 | 130 x 5mm | 10 | 192.300 | 207.684 |





NHỰA BÌNH MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ ỚNG NHỰA PVC-U
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Ớng PVC-U hệ Mét theo tiêu chuẩn
TCVN 6151:1996/ ISO 4422:1990

| STT | Tên | Sản Phẩm | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|-------|--------------|-------------|--------------------|------------|
| | | | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø 63 | 63 x 1,6mm | 5 | 34.600 | 37.368 |
| | | 63 x 1,9mm | 6 | 40.300 | 43.524 |
| | | 63 x 3,0mm | 10 | 61.200 | 66.096 |
| 2 | Ø 75 | 75 x 1,5mm | 4 | 39.200 | 42.336 |
| | | 75 x 2,2mm | 6 | 55.900 | 60.372 |
| | | 75 x 3,6mm | 10 | 87.700 | 94.716 |
| 3 | Ø 90 | 90 x 1,5mm | 3,2 | 47.200 | 50.976 |
| | | 90 x 2,7mm | 6 | 81.400 | 87.912 |
| | | 90 x 4,3mm | 10 | 125.500 | 135.540 |
| 3 | Ø 110 | 110 x 1,8mm | 3,2 | 67.700 | 73.116 |
| | | 110 x 3,2mm | 6 | 116.800 | 126.144 |
| | | 110 x 5,3mm | 10 | 186.100 | 200.988 |
| 4 | Ø 140 | 140 x 4,1mm | 6 | 188.600 | 203.688 |
| | | 140 x 6,7mm | 10 | 297.000 | 320.760 |
| 5 | Ø 160 | 160 x 4,0mm | 4 | 209.200 | 225.936 |
| | | 160 x 4,7mm | 6 | 245.200 | 264.816 |
| | | 160 x 7,7mm | 10 | 389.400 | 420.552 |
| 6 | Ø 200 | 200 x 5,9mm | 6 | 381.700 | 412.236 |
| | | 200 x 9,6mm | 10 | 604.400 | 652.752 |
| 7 | Ø 225 | 225 x 6,6mm | 6 | 479.800 | 518.184 |
| | | 225 x 10,8mm | 10 | 763.000 | 824.040 |
| 8 | Ø 250 | 250 x 7,3mm | 6 | 590.000 | 637.200 |
| | | 250 x 11,9mm | 10 | 933.800 | 1.008.504 |
| 9 | Ø 280 | 280 x 8,2mm | 6 | 741.100 | 800.388 |
| | | 280 x 13,4mm | 10 | 1.177.900 | 1.272.132 |
| 10 | Ø 315 | 315 x 9,2mm | 6 | 933.500 | 1.008.180 |
| | | 315 x 15,0mm | 10 | 1.480.200 | 1.598.616 |
| 11 | Ø 400 | 400 x 11,7mm | 6 | 1.499.000 | 1.618.920 |
| | | 400 x 19,1mm | 10 | 2.393.200 | 2.584.656 |
| 12 | Ø 450 | 450 x 13,8mm | 6,3 | 2.055.300 | 2.219.724 |
| | | 450 x 21,5mm | 10 | 3.141.700 | 3.393.036 |
| 13 | Ø 500 | 500 x 15,3mm | 6,3 | 2.529.800 | 2.732.184 |
| | | 500 x 23,9mm | 10 | 3.875.200 | 4.185.216 |
| 14 | Ø 560 | 560 x 17,2mm | 6,3 | 3.185.300 | 3.440.124 |
| | | 560 x 26,7mm | 10 | 4.856.200 | 5.244.696 |
| 15 | Ø 630 | 630 x 19,3mm | 6,3 | 4.019.800 | 4.341.384 |
| | | 630 x 30,0mm | 10 | 6.128.600 | 6.618.888 |

* Ghi chú: Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

**Ống PVC-U hệ CIOD theo tiêu chuẩn
AS/NZS 1477:2017
(nối với ống gang)**

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|-------------|-------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø 100 | 100 x 6,7mm | 12 | 245.300 | 264.924 |
| 2 | Ø 150 | 150 x 9,7mm | 12 | 518.100 | 559.548 |
| | | | | | |



**Ống PVC-U hệ CIOD theo tiêu chuẩn
ISO 2531:2009
(nối với ống gang)**

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|--------------|-------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø 200 | 200 x 9,7mm | 10 | 661.900 | 714.852 |
| | | 200 x 11,4mm | 12 | 771.700 | 833.436 |



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn



NHỰA BÌNH MINH

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PVC-U
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

*Ống PVC-U hệ Mét theo tiêu chuẩn
TCVN 8491:2011/ ISO 1452:2009*

| STT | Sản Phẩm | | Class (C) | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|-------------|-----------|----------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø 75 | 75 x 1,5mm | Thoát | 4 | 40.300 | 43.524 |
| | | 75 x 1,9mm | 0 | 5 | 47.000 | 50.760 |
| | | 75 x 2,3mm | 1 | 6 | 53.300 | 57.564 |
| | | 75 x 2,9mm | 2 | 8 | 69.400 | 74.952 |
| | | 75 x 3,6mm | 3 | 10 | 86.000 | 92.880 |
| | | 75 x 4,5mm | 4 | 12,5 | 108.100 | 116.748 |
| 2 | Ø 90 | 90 x 1,5mm | Thoát | 3 | 49.100 | 53.028 |
| | | 90 x 1,8mm | 0 | 4 | 56.100 | 60.588 |
| | | 90 x 2,2mm | 1 | 5 | 65.800 | 71.064 |
| | | 90 x 2,8mm | 2 | 6 | 79.900 | 86.292 |
| | | 90 x 3,5mm | 3 | 8 | 99.600 | 107.568 |
| | | 90 x 4,3mm | 4 | 10 | 123.800 | 133.704 |
| | | 90 x 5,4mm | 5 | 12,5 | 153.800 | 166.104 |
| 3 | Ø 110 | 110 x 1,8mm | Thoát | 4 | 74.300 | 80.244 |
| | | 110 x 2,2mm | 0 | 5 | 84.000 | 90.720 |
| | | 110 x 2,7mm | 1 | 6 | 97.900 | 105.732 |
| | | 110 x 3,4mm | 2 | 8 | 117.000 | 126.360 |
| | | 110 x 4,2mm | 3 | 10 | 156.000 | 168.480 |
| | | 110 x 5,3mm | 4 | 12,5 | 186.800 | 201.744 |
| | | 110 x 6,6mm | 5 | 16 | 230.500 | 248.940 |
| 4 | Ø 125 | 125 x 2,5mm | 0 | 5 | 103.400 | 111.672 |
| | | 125 x 3,1mm | 1 | 6 | 121.000 | 130.680 |
| | | 125 x 3,9mm | 2 | 8 | 143.400 | 154.872 |
| | | 125 x 4,8mm | 3 | 10 | 181.900 | 196.452 |
| | | 125 x 6,0mm | 4 | 12,5 | 229.100 | 247.428 |
| 5 | Ø 140 | 140 x 2,3mm | Thoát | 4 | 101.000 | 109.080 |
| | | 140 x 2,8mm | 0 | 5 | 128.500 | 138.780 |
| | | 140 x 3,5mm | 1 | 6 | 151.300 | 163.404 |
| | | 140 x 4,3mm | 2 | 8 | 178.300 | 192.564 |
| | | 140 x 5,4mm | 3 | 10 | 238.500 | 257.580 |
| | | 140 x 6,7mm | 4 | 12,5 | 291.900 | 315.252 |
| 6 | Ø 160 | 160 x 2,6mm | Thoát | 4 | 131.100 | 141.588 |
| | | 160 x 3,2mm | 0 | 5 | 171.600 | 185.328 |
| | | 160 x 4,0mm | 1 | 6 | 200.000 | 216.000 |
| | | 160 x 4,9mm | 2 | 8 | 230.900 | 249.372 |
| | | 160 x 6,2mm | 3 | 10 | 298.600 | 322.488 |
| | | 160 x 7,7mm | 4 | 12,5 | 378.900 | 409.212 |
| | | 160 x 9,5mm | 5 | 16 | 465.100 | 502.308 |

Signing Date/Ngày ký:
03/04/2026 14:02:04+07'00'

Signing Date/Ngày ký:
03/04/2026 14:46:31+07'00'

**Ống PVC-U hệ Mét theo tiêu chuẩn
TCVN 8491:2011/ ISO 1452:2009**

| STT | Sản Phẩm | | Class (C) | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|--------------|--------------|-------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 7 | Ø 180 | 180 x 5,5mm | 2 | 8 | 291.800 | 315.144 |
| | | 180 x 6,9mm | 3 | 10 | 372.600 | 402.408 |
| | | 180 x 8,6mm | 4 | 12,5 | 476.900 | 515.052 |
| | | 180 x 10,7mm | 5 | 16 | 590.800 | 638.064 |
| 8 | Ø 200 | 200 x 3,2mm | Thoát | 4 | 245.900 | 265.572 |
| | | 200 x 4,0mm | 0 | 5 | 257.800 | 278.424 |
| | | 200 x 4,9mm | 1 | 6 | 311.500 | 336.420 |
| | | 200 x 6,2mm | 2 | 8 | 362.300 | 391.284 |
| | | 200 x 7,7mm | 3 | 10 | 462.300 | 499.284 |
| | | 200 x 9,6mm | 4 | 12,5 | 592.400 | 639.792 |
| | | 200 x 11,9mm | 5 | 16 | 730.100 | 788.508 |
| 9 | Ø 225 | 225 x 5,5mm | 1 | 6 | 379.800 | 410.184 |
| | | 225 x 6,9mm | 2 | 8 | 450.100 | 486.108 |
| | | 225 x 8,6mm | 3 | 10 | 584.600 | 631.368 |
| | | 225 x 10,8mm | 4 | 12,5 | 749.800 | 809.784 |
| | | 225 x 13,4mm | 5 | 16 | 926.800 | 1.000.944 |
| 10 | Ø 250 | 250 x 5,0mm | 0 | 5 | 414.300 | 447.444 |
| | | 250 x 6,2mm | 1 | 6 | 499.500 | 539.460 |
| | | 250 x 7,7mm | 2 | 8 | 582.900 | 629.532 |
| | | 250 x 9,6mm | 3 | 10 | 753.400 | 813.672 |
| | | 250 x 11,9mm | 4 | 12,5 | 952.400 | 1.028.592 |
| 11 | Ø 280 | 280 x 6,9mm | 1 | 6 | 594.000 | 641.520 |
| | | 280 x 8,6mm | 2 | 8 | 699.800 | 755.784 |
| | | 280 x 10,7mm | 3 | 10 | 899.000 | 970.920 |
| | | 280 x 13,4mm | 4 | 12,5 | 1.233.000 | 1.331.640 |
| 12 | Ø 315 | 315 x 5,0mm | Thoát | 4 | 506.100 | 546.588 |
| | | 315 x 7,7mm | 1 | 6 | 745.400 | 805.032 |
| | | 315 x 9,7mm | 2 | 8 | 894.300 | 965.844 |
| | | 315 x 12,1mm | 3 | 10 | 1.123.600 | 1.213.488 |
| | | 315 x 15,0mm | 4 | 12,5 | 1.555.600 | 1.680.048 |
| 13 | Ø 355 | 355 x 8,7mm | 1 | 6 | 973.900 | 1.051.812 |
| | | 355 x 10,9mm | 2 | 8 | 1.158.600 | 1.251.288 |
| | | 355 x 13,6mm | 3 | 10 | 1.503.500 | 1.623.780 |
| | | 355 x 16,9mm | 4 | 12,5 | 1.848.800 | 1.996.704 |
| 14 | Ø 400 | 400 x 9,8mm | 1 | 6 | 1.237.600 | 1.336.608 |
| | | 400 x 12,3mm | 2 | 8 | 1.471.800 | 1.589.544 |
| | | 400 x 15,3mm | 3 | 10 | 1.905.500 | 2.057.940 |
| | | 400 x 19,1mm | 4 | 12,5 | 2.353.900 | 2.542.212 |
| 15 | Ø 450 | 450 x 13,8mm | 2 | 8 | 1.866.400 | 2.015.712 |
| | | 450 x 21,5mm | 4 | 12,5 | 2.985.500 | 3.224.340 |
| 16 | Ø 500 | 500 x 15,3mm | 2 | 8 | 2.285.800 | 2.468.664 |
| | | 500 x 23,9mm | 4 | 12,5 | 3.502.800 | 3.783.024 |
| 17 | Ø 560 | 560 x 17,2mm | 2 | 8 | 2.877.900 | 3.108.132 |
| | | 560 x 26,7mm | 4 | 12,5 | 4.396.800 | 4.748.544 |
| 18 | Ø 630 | 630 x 19,3mm | 2 | 8 | 3.637.400 | 3.928.392 |
| | | 630 x 30,0mm | 4 | 12,5 | 5.542.500 | 5.985.900 |




Signing Date/Ngày ký:
03/04/2026 14:02:04+07'00'


Signing Date/Ngày ký:
03/04/2026 14:46:31+07'00'



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
 240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
 Website: www.binhminhplastic.com.vn



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên - ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG NHỰA PVC-U
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Phụ tùng ống PVC-U hệ Inch theo tiêu chuẩn TCVN 8491:2011 - Phụ lục B
(tham khảo tiêu chuẩn BS 3505:1968)

| STT | Sản Phẩm | | ĐVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | | STT | Sản Phẩm | | ĐVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | |
|--------------|---|--------------|---------|----------|----------------|------------|-------------|--|-----------|---------|----------|----------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Nối trơn (Plaint socket) | 21 D | Cái | 15 | 2.500 | 2.700 | 7 | Nối rút trơn (Reducing socket) | 27 x 21 D | Cái | 15 | 3.500 | 3.780 |
| | | 27 D | - | 15 | 3.700 | 3.996 | | | 34 x 21 D | - | 15 | 4.300 | 4.644 |
| | | 34 D | - | 15 | 6.100 | 6.588 | | | 34 x 27 D | - | 15 | 4.800 | 5.184 |
| | | 42M | - | 6 | 4.800 | 5.184 | | | 42 x 21 D | - | 15 | 6.200 | 6.696 |
| | | 42 D | - | 15 | 8.400 | 9.072 | | | 42 x 27 D | - | 15 | 6.600 | 7.128 |
| | | 49 D | - | 12 | 12.900 | 13.932 | | | 42 x 34 D | - | 15 | 7.400 | 7.992 |
| | | 60 M | - | 6 | 7.800 | 8.424 | | | 49 x 21 D | - | 15 | 8.700 | 9.396 |
| | | 60 D | - | 12 | 19.900 | 21.492 | | | 49 x 27 D | - | 12 | 9.200 | 9.936 |
| | | 90 M | - | 6 | 18.200 | 19.656 | | | 49 x 34 D | - | 15 | 10.200 | 11.016 |
| | | 90 D | - | 12 | 43.200 | 46.656 | | | 49 x 42 D | - | 15 | 10.900 | 11.772 |
| | | 114 M | - | 6 | 26.500 | 28.620 | | | 60 x 21 D | - | 15 | 13.100 | 14.148 |
| | | 114 D | - | 9 | 85.800 | 92.664 | | | 60 x 27 D | - | 15 | 13.800 | 14.904 |
| | | 168 M | - | 6 | 103.500 | 111.780 | | | 60 x 34 D | - | 15 | 15.200 | 16.416 |
| | | 168 D | - | 9 | 298.400 | 322.272 | | | 60 x 42 M | - | 6 | 4.700 | 5.076 |
| 220 M | - | 6 | 275.800 | 297.864 | 60 x 42 D | - | 12 | 15.900 | 17.172 | | | | |
| 2 | Nối ren trong (Plastic female threaded socket) | 21 D | Cái | 15 | 2.500 | 2.700 | 60 x 49 M | - | 6 | 4.700 | 5.076 | | |
| | | 27 D | - | 15 | 3.900 | 4.212 | 60 x 49 D | - | 12 | 16.400 | 17.712 | | |
| | | 34 D | - | 15 | 6.100 | 6.588 | 90 x 34 M | - | 9 | 14.400 | 15.552 | | |
| | | 42 D | - | 15 | 8.300 | 8.964 | 90 x 42 M | - | 6 | 14.700 | 15.876 | | |
| | | 49 D | - | 12 | 12.100 | 13.068 | 90 x 49 D | - | 12 | 32.700 | 35.316 | | |
| | | 60 D | - | 12 | 18.900 | 20.412 | 90 x 60 M | - | 6 | 15.300 | 16.524 | | |
| | | 90 D | - | 12 | 41.700 | 45.036 | 90 x 60 D | - | 12 | 33.100 | 35.748 | | |
| 3 | Nối ren trong thau (Brass female threaded socket) | 21 D | Cái | 15 | 16.200 | 17.496 | 114 x 34 M | - | 6 | 29.100 | 31.428 | | |
| | | 27 D | - | 15 | 21.000 | 22.680 | 114 x 49 M | - | 6 | 27.800 | 30.024 | | |
| 4 | Nối ren ngoài thau (Brass male threaded socket) | 21 D | Cái | 15 | 24.700 | 26.676 | 114 x 60 M | - | 6 | 26.900 | 29.052 | | |
| | | 27 D | - | 15 | 27.600 | 29.808 | 114 x 60 D | - | 9 | 65.400 | 70.632 | | |
| 5 | Nối rút có ren (Threaded reducer) | 21 x RT 27 D | Cái | 15 | 3.500 | 3.780 | 114 x 90 M | - | 6 | 27.300 | 29.484 | | |
| | | 27 x RT 21 D | - | 15 | 3.200 | 3.456 | 114 x 90 D | - | 9 | 73.300 | 79.164 | | |
| | | 34 x RT 21 D | - | 15 | 4.800 | 5.184 | 168 x 90 M | - | 6 | 113.500 | 122.580 | | |
| | | 34 x RT 27 D | - | 15 | 4.800 | 5.184 | 168 x 114 M | - | 6 | 89.400 | 96.552 | | |
| | | 21 x RN 27 D | - | 15 | 2.400 | 2.592 | 168 x 114 D | - | 9 | 194.900 | 210.492 | | |
| | | 27 x RN 21 D | - | 15 | 2.600 | 2.808 | 220 x 114 M | - | 6 | 243.200 | 262.656 | | |
| | | 27 x RN 34 D | - | 15 | 3.700 | 3.996 | 220 x 114 D | - | 9 | 553.500 | 597.780 | | |
| | | 27 x RN 42 D | - | 15 | 5.800 | 6.264 | 220 x 168 D | - | 9 | 710.100 | 766.908 | | |
| | | 27 x RN 49 D | - | 15 | 7.200 | 7.776 | 8 | Nối ren ngoài (Plastic male threaded socket) | 21 D | Cái | 15 | 2.300 | 2.484 |
| | | 34 x RN 21 D | - | 15 | 4.700 | 5.076 | | | 27 D | - | 15 | 3.500 | 3.780 |
| | | 34 x RN 27 D | - | 15 | 4.900 | 5.292 | | | 34 D | - | 15 | 6.000 | 6.480 |
| 34 x RN 42 D | - | 15 | 7.200 | 7.776 | 42 D | - | | | 15 | 8.500 | 9.180 | | |
| 34 x RN 49 D | - | 15 | 7.800 | 8.424 | 49 D | - | | | 12 | 10.400 | 11.232 | | |
| 6 | Nối rút có ren thau (Brass threaded reducer) | 27 x RTT 21D | Cái | 15 | 10.600 | 11.448 | 60 D | - | 12 | 15.300 | 16.524 | | |
| | | 27 x RNT 21D | - | 15 | 16.900 | 18.252 | 90 D | - | 12 | 35.000 | 37.800 | | |
| | | | | | | | 114 D | - | 9 | 67.900 | 73.332 | | |
| 9 | Nối thông tắc (Testing Socket) | 60 M | Bộ | 6 | 27.600 | 29.808 | | | | | | | |
| | | 90 M | - | 6 | 50.700 | 54.756 | | | | | | | |
| | | 114 M | - | 5 | 94.900 | 102.492 | | | | | | | |

Phụ tùng ống PVC-U hệ Inch theo tiêu chuẩn TCVN 8491:2011 - Phụ lục B
(tham khảo tiêu chuẩn BS 3505:1968)

| STT | Sản Phẩm | | ĐVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | | STT | Sản Phẩm | | ĐVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | | |
|------------|---|-------------|--------|----------|----------------|--------------------------------------|--------------|---|---|-----------------------|----------|----------------|------------|---------|
| | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán | |
| 10 | Co âm dương (90° male - female Elbow) | 90 M | Cái | 6 | 34.200 | 36.936 | 21 | Co ren trong thau (Brass female threaded Elbow) | 21 D | Cái | 15 | 16.400 | 17.712 | |
| | | 114 M | - | 6 | 63.500 | 68.580 | | | 27 D | - | 15 | 27.600 | 29.808 | |
| 60 M | Bộ | 6 | 24.400 | 26.352 | 21 xRTT 27D | - | | | 15 | 21.300 | 23.004 | | | |
| 90 M | - | 6 | 33.400 | 36.072 | 27 xRTT 21D | - | | | 15 | 17.800 | 19.224 | | | |
| 114 M | - | 6 | 64.900 | 70.092 | 34 xRTT 21D | - | | | 15 | 22.400 | 24.192 | | | |
| 11 | Bít xả ren ngoài (Male threaded clean out) | 168 M | - | 6 | 181.000 | 195.480 | | 34 xRTT 27D | - | 15 | 26.000 | 28.080 | | |
| | | 21 | Cái | 12 | 22.300 | 24.084 | | 22 | Co ren ngoài thau (Brass male threaded Elbow) | 21 D | Cái | 15 | 22.500 | 24.300 |
| | | 27 | - | 12 | 26.100 | 28.188 | | | | 27 D | - | 12 | 37.600 | 40.608 |
| | | 34 | - | 12 | 44.200 | 47.736 | | | | 27 xRNT 21D | - | 15 | 30.700 | 33.156 |
| 12 | Van (Valve) | 42 | - | 12 | 64.900 | 70.092 | | 23 | Co ren ngoài (Plastic male threaded Elbow) | 49 | - | 12 | 97.300 | 105.084 |
| | | 49 D | Bộ | 12 | 52.200 | 56.376 | 21 D | | | Cái | 15 | 5.100 | 5.508 | |
| | | 60 D | - | 12 | 63.500 | 68.580 | 27 D | | | - | 15 | 6.600 | 7.128 | |
| | | 90 D | - | 12 | 106.700 | 115.236 | 34 D | | | - | 15 | 11.500 | 12.420 | |
| | | 114 D | - | 9 | 147.400 | 159.192 | 42 D | | | - | 15 | 22.300 | 24.084 | |
| 13 | Bích đơn (Single flange) | 168 D | - | 9 | 434.800 | 469.584 | 49 D | | | - | 12 | 29.800 | 32.184 | |
| | | 114 D | Bộ | 9 | 121.300 | 131.004 | 21 x RN 27 D | | | - | 15 | 5.800 | 6.264 | |
| | | 168 D | - | 9 | 228.900 | 247.212 | 27 x RN 21 D | | | - | 15 | 6.600 | 7.128 | |
| | | 220 D | - | 9 | 377.400 | 407.592 | 27 x RN 34 D | | | - | 15 | 9.700 | 10.476 | |
| 14 | Bích kép (Double flange) | 114 D | Bộ | 9 | 121.300 | 131.004 | 34 x RN 21 D | | | - | 15 | 7.000 | 7.560 | |
| | | 168 D | - | 9 | 228.900 | 247.212 | 34 x RN 27 D | - | 15 | 8.600 | 9.288 | | | |
| | | 220 D | - | 9 | 377.400 | 407.592 | 24 | Con thỏ (S-Bend) | 90 M | - | 6 | 79.600 | 85.968 | |
| 90 | Cái | 6 | 72.300 | 78.084 | 25 | Con thỏ kiểm tra (Testing S-Bend) | | | 60 M | Bộ | 6 | 50.900 | 54.972 | |
| 15 | Tứ thông (Cross) | 114 | - | 3 | | | 152.800 | 165.024 | 90 M | - | 6 | 114.800 | 123.984 | |
| | | 110 x 49 D | Bộ | 12 | 125.600 | 135.648 | 26 | Co 90° (90° Elbow) | 21 D | Cái | 15 | 3.500 | 3.780 | |
| 16 | Khởi thủy (Saddle) | 114 x 49 D | - | 9 | 114.700 | 123.876 | | | 27 D | - | 15 | 5.500 | 5.940 | |
| | | 160 x 60 D | - | 9 | 203.600 | 219.888 | | | 34 D | - | 15 | 7.800 | 8.424 | |
| | | 168 x 60 D | - | 9 | 173.100 | 186.948 | | | 42 D | - | 12 | 11.700 | 12.636 | |
| | | 220 x 60 D | - | 9 | 207.900 | 224.532 | | | 49 D | - | 12 | 18.600 | 20.088 | |
| | | 90 x 49 M | Cái | 6 | 10.800 | 11.664 | | | 60 M | - | 6 | 13.100 | 14.148 | |
| 17 | Khởi thủy dán (Clamp on boss) | 114 x 60 M | - | 6 | 16.400 | 17.712 | | | 60 D | - | 12 | 29.600 | 31.968 | |
| | | 21 D | Cái | 15 | 4.000 | 4.320 | | | 90 M | - | 6 | 30.800 | 33.264 | |
| 18 | Co ren trong (Plastic female threaded Elbow) | 27 D | - | 15 | 5.500 | 5.940 | | | 90 D | - | 12 | 73.600 | 79.488 | |
| | | 34 D | - | 15 | 9.800 | 10.584 | | | 114 M | - | 6 | 64.100 | 69.228 | |
| | | 42 D | - | 15 | 15.000 | 16.200 | | | 114 D | - | 12 | 169.900 | 183.492 | |
| | | 49 D | - | 12 | 25.300 | 27.324 | | | 168 M | - | 6 | 177.300 | 191.484 | |
| | | 21 D | Cái | 15 | 4.600 | 4.968 | | | 220 M | - | 9 | 551.400 | 595.512 | |
| 19 | Co 3 nhánh 90° (90° three-socket Elbow) | 27 D | - | 15 | 6.600 | 7.128 | | | 220 D | - | 12 | 957.100 | 1.033.668 | |
| | | 34 D | - | 15 | 10.600 | 11.448 | | | 27 | Co 45° (45° Elbow) | 21 D | Cái | 15 | 3.000 |
| | | 27 x 21 D | Cái | 15 | 3.900 | 4.212 | 27 D | - | | | 15 | 4.600 | 4.968 | |
| 34 x 21 D | - | 15 | 5.200 | 5.616 | 34 D | - | 15 | 7.200 | | | 7.776 | | | |
| 34 x 27 D | - | 15 | 6.100 | 6.588 | 42 D | - | 15 | 10.200 | | | 11.016 | | | |
| 42 x 27 D | - | 12 | 8.600 | 9.288 | 49 D | - | 12 | 15.500 | | | 16.740 | | | |
| 42 x 34 D | - | 12 | 9.900 | 10.692 | 60 M | - | 6 | 11.400 | | | 12.312 | | | |
| 49 x 27 D | - | 12 | 10.200 | 11.016 | 60 D | - | 12 | 23.900 | | | 25.812 | | | |
| 49 x 34 D | - | 12 | 12.300 | 13.284 | 90 M | - | 6 | 25.800 | | | 27.864 | | | |
| 60 x 34 D | - | 12 | 16.300 | 17.604 | 90 D | - | 12 | 56.500 | | | 61.020 | | | |
| 60 x 42 D | - | 12 | 20.000 | 21.600 | 114 M | - | 6 | 50.500 | | | 54.540 | | | |
| 60 x 49 D | - | 12 | 21.200 | 22.896 | 114 D | - | 9 | 114.900 | | | 124.092 | | | |
| 90 x 60 M | - | 6 | 19.100 | 20.628 | 168 M | - | 6 | 154.200 | | | 166.536 | | | |
| 90 x 60 D | - | 12 | 49.700 | 53.676 | 168 D | - | 9 | 389.400 | | | 420.552 | | | |
| 114 x 60 M | - | 6 | 36.300 | 39.204 | 220 M | - | 6 | 410.900 | | | 443.772 | | | |
| 114 x 90 M | - | 6 | 40.600 | 43.848 | 220 D | - | 10 | 703.500 | | | 759.780 | | | |
| 20 | Co 90° rút (90° Reducing Elbow) | 168 x 114 M | - | 6 | 145.200 | 156.816 | | | | | | | | |

Chú thích:

M: Mỏng D: Dày TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/ren trong thau Trang 2/5

Đỗ Văn M

Phụ tùng ống PVC-U hệ Inch theo tiêu chuẩn TCVN 8491:2011 - Phụ lục B
(tham khảo tiêu chuẩn BS 3505:1968)

| STT | Sản Phẩm | | ĐVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | | STT | Sản Phẩm | | ĐVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|-------|--|--------------|-----------|-----------|----------------|------------|-----|--|-------------|--|----------|----------------|------------|-----------|-----------|----|---|----|-----|---|-------|-------|--------------|---|----|--------|--------|-----|---|---|--------|--------|--------------|---|----|--------|--------|--|--|--|--|--|------|---|----|--------|--------|--|--|--|--|--|----|---------------------------------------|------|-----|----|-------|-------|----|-----------------------|------|-----|----|-------|-------|--|--|--|--|--|------|---|----|-------|-------|----|--|------|-----|----|--------|--------|------|---|----|-------|-------|------|---|----|--------|--------|------|---|----|-------|-------|--------------|---|----|--------|--------|------|---|----|-------|-------|----|---|--------------|-----|----|-------|-------|------|---|----|--------|--------|--------------|---|----|-------|-------|------|---|----|--------|--------|----|--|------|----|---|--------|--------|-------|---|---|--------|--------|-------|---|---|---------|---------|-------|---|---|---------|---------|--|--|--|--|--|-------|---|----|---------|---------|--|--|--|--|--|-------|---|---|---------|---------|--|--|--|--|--|-------|
| | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | Chữ Y - T 45° (Y - Tee 45°) | 34 D | Cái | 12 | 13.500 | 14.580 | | Chữ T rút (Reducing tee) | 27 x 21 D | Cái | 15 | 5.500 | 5.940 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 42 M | - | 6 | 9.900 | 10.692 | | | 34 x 21 D | - | 15 | 8.500 | 9.180 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 49 M | - | 6 | 14.600 | 15.768 | | | 34 x 27 D | - | 15 | 9.900 | 10.692 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 60 M | - | 4 | 27.500 | 29.700 | | | 42 x 21 D | - | 15 | 12.100 | 13.068 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 60 D | - | 12 | 66.600 | 71.928 | | | 42 x 27 D | - | 15 | 12.100 | 13.068 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 90 M | - | 3 | 64.900 | 70.092 | | | 42 x 34 D | - | 15 | 13.500 | 14.580 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 90 M | - | 6 | 95.200 | 102.816 | | | 49 x 21 D | - | 15 | 15.900 | 17.172 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 114 M | - | 3 | 94.000 | 101.520 | | | 49 x 27 D | - | 15 | 17.300 | 18.684 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 114 M | - | 6 | 134.300 | 145.044 | | | 49 x 34 D | - | 15 | 19.000 | 20.520 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 114 D | - | 9 | 321.100 | 346.788 | | | 49 x 42 D | - | 12 | 21.300 | 23.004 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 168 M | - | 4 | 333.000 | 359.640 | | | 60 x 21 D | - | 15 | 25.300 | 27.324 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 168 M | - | 6 | 485.300 | 524.124 | 60 x 27 D | - | 15 | 28.100 | 30.348 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 220 M | - | 6 | 1.024.900 | 1.106.892 | 60 x 34 D | - | 12 | 26.100 | 28.188 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | Chữ Y rút - T45° (Reducing Y - Tee 45°) | 60 x 42 M | Cái | 4 | 15.900 | 17.172 | 37 | Chữ T rút (Reducing tee) | 60 x 42 D | - | 12 | 29.300 | 31.644 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 60 x 42 M | - | 6 | 23.300 | 25.164 | | | 60 x 49 D | - | 12 | 33.100 | 35.748 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 60 x 49 M | - | 6 | 25.400 | 27.432 | | | 90 x 34 D | - | 12 | 62.300 | 67.284 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 90 x 42 M | - | 6 | 41.500 | 44.820 | | | 90 x 42 M | - | 6 | 30.800 | 33.264 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 90 x 60 M | - | 6 | 39.000 | 42.120 | | | 90 x 60 M | - | 6 | 31.100 | 33.588 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 114 x 60 M | - | 6 | 64.400 | 69.552 | | | 90 x 60 D | - | 12 | 74.800 | 80.784 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 114 x 90 M | - | 6 | 87.500 | 94.500 | | | 114 x 60 M | - | 6 | 43.800 | 47.304 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 140 x 90 M | - | 6 | 178.400 | 192.672 | | | 114 x 60 D | - | 9 | 137.000 | 147.960 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 140 x 114 M | - | 6 | 194.700 | 210.276 | | | 114 x 90 M | - | 6 | 68.100 | 73.548 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 140 x 114 D | - | 10 | 402.700 | 434.916 | | | 114 x 90 D | - | 9 | 157.800 | 170.424 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 168 x 90 M | - | 6 | 201.600 | 217.728 | | | 168 x 90 M | - | 6 | 171.200 | 184.896 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 168 x 114 M | - | 6 | 308.100 | 332.748 | | | 168 x 114 M | - | 6 | 227.100 | 245.268 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 168 x 114 D | - | 10 | 656.900 | 709.452 | | | 168 x 114 D | - | 10 | 528.300 | 570.564 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 220 x 168 M | - | 6 | 752.600 | 812.808 | | | 220 x 114 M | - | 6 | 443.600 | 479.088 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30 | Chữ T (Tee) | 21 D | Cái | 15 | 4.600 | 4.968 | 38 | T cong rút (Reducing 90° turn lateral tee) | 90 x 60 M | Cái | 6 | 36.700 | 39.636 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 27 D | - | 15 | 7.400 | 7.992 | | | 114 x 60 M | - | 6 | 76.700 | 82.836 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 34 D | - | 15 | 12.100 | 13.068 | | | 114 x 90 M | - | 6 | 115.200 | 124.416 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 42 D | - | 15 | 15.900 | 17.172 | | | 168 x 90 M | - | 6 | 210.900 | 227.772 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 49 D | - | 12 | 23.600 | 25.488 | | | 168 x 90 D | - | 10 | 665.600 | 718.848 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 60 M | - | 6 | 16.800 | 18.144 | | | 168 x 114 M | - | 6 | 243.200 | 262.656 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 60 D | - | 12 | 40.400 | 43.632 | | | 168 x 114 D | - | 10 | 814.300 | 879.444 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 90 M | - | 6 | 48.900 | 52.812 | | | 39 | T cong (90° turn lateral tee) | 42 D | Cái | 15 | 18.500 | 19.980 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 90 D | - | 12 | 101.700 | 109.836 | | | | | 60 M | - | 6 | 22.500 | 24.300 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 114 M | - | 6 | 87.500 | 94.500 | | | | | 90 M | - | 6 | 58.700 | 63.396 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 114 D | - | 9 | 207.600 | 224.208 | | | | | 114 M | - | 6 | 106.100 | 114.588 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 168 M | - | 6 | 256.300 | 276.804 | | | | | 168 M | - | 6 | 486.700 | 525.636 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 220 M | - | 6 | 767.600 | 829.008 | | | | | 168 D | - | 10 | 1.100.000 | 1.188.000 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 220 D | - | 9 | 1.262.000 | 1.362.960 | | | | | 220 M | - | 6 | 651.600 | 703.728 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | T ren trong (Female threaded tee) | 21 D | Cái | 15 | 6.100 | 6.588 | 40 | T cong âm dương (90° turn lateral tee male - female) | | | 90 M | Cái | 4 | 51.600 | 55.728 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 27 D | - | 15 | 7.600 | 8.208 | | | 32 | T ren trong thau (Brass female threaded tee) | 21 D | Cái | 15 | 17.800 | 19.224 | 41 | Nắp T cong (Cap for rear access junction) | 90 | Cái | 6 | 7.400 | 7.992 | 21 x RTT 27D | - | 15 | 20.700 | 22.356 | 114 | - | 6 | 14.100 | 15.228 | 27 x RTT 21D | - | 15 | 19.100 | 20.628 | | | | | | 27 D | - | 15 | 19.900 | 21.492 | | | | | | 33 | T ren ngoài (Male threaded tee) | 21 D | Cái | 15 | 6.600 | 7.128 | 42 | Nắp khóa (End cap) | 21 D | Cái | 15 | 2.100 | 2.268 | | | | | | 27 D | - | 15 | 2.300 | 2.484 | 34 | T ren ngoài thau (Brass male threaded tee) | 21 D | Cái | 15 | 22.500 | 24.300 | 34 D | - | 15 | 4.300 | 4.644 | 27 D | - | 12 | 35.000 | 37.800 | 42 D | - | 15 | 5.500 | 5.940 | 27 x RNT 21D | - | 15 | 35.900 | 38.772 | 49 D | - | 12 | 8.400 | 9.072 | 35 | T giảm có ren (Threaded reducing tee) | 27 x RN 21 D | Cái | 15 | 8.600 | 9.288 | 60 D | - | 12 | 14.100 | 15.228 | 27 x RT 21 D | - | 15 | 7.800 | 8.424 | 90 D | - | 12 | 33.100 | 35.748 | 36 | T cong kiểm tra mặt sau (Rear access junction) | 90 M | Bộ | 5 | 56.100 | 60.588 | 114 D | - | 9 | 71.200 | 76.896 | 114 M | - | 5 | 107.100 | 115.668 | 168 M | - | 6 | 145.900 | 157.572 | | | | | | 168 D | - | 10 | 206.000 | 222.480 | | | | | | 220 M | - | 6 | 246.600 | 266.328 | | | | | | 220 D |
| 32 | T ren trong thau (Brass female threaded tee) | 21 D | Cái | 15 | 17.800 | 19.224 | 41 | Nắp T cong (Cap for rear access junction) | | | 90 | Cái | 6 | 7.400 | 7.992 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 21 x RTT 27D | - | 15 | 20.700 | 22.356 | | | | | 114 | - | 6 | 14.100 | 15.228 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 27 x RTT 21D | - | 15 | 19.100 | 20.628 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 27 D | - | 15 | 19.900 | 21.492 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 33 | T ren ngoài (Male threaded tee) | 21 D | Cái | 15 | 6.600 | 7.128 | 42 | Nắp khóa (End cap) | 21 D | Cái | 15 | 2.100 | 2.268 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | 27 D | - | 15 | 2.300 | 2.484 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | T ren ngoài thau (Brass male threaded tee) | 21 D | Cái | 15 | 22.500 | 24.300 | | | 34 D | - | 15 | 4.300 | 4.644 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 27 D | - | 12 | 35.000 | 37.800 | | | 42 D | - | 15 | 5.500 | 5.940 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 27 x RNT 21D | - | 15 | 35.900 | 38.772 | | | 49 D | - | 12 | 8.400 | 9.072 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | T giảm có ren (Threaded reducing tee) | 27 x RN 21 D | Cái | 15 | 8.600 | 9.288 | | | 60 D | - | 12 | 14.100 | 15.228 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 27 x RT 21 D | - | 15 | 7.800 | 8.424 | | | 90 D | - | 12 | 33.100 | 35.748 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | T cong kiểm tra mặt sau (Rear access junction) | 90 M | Bộ | 5 | 56.100 | 60.588 | | | 114 D | - | 9 | 71.200 | 76.896 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | 114 M | - | 5 | 107.100 | 115.668 | | | 168 M | - | 6 | 145.900 | 157.572 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | 168 D | - | 10 | 206.000 | 222.480 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | 220 M | - | 6 | 246.600 | 266.328 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | 220 D | - | 10 | 519.300 | 560.844 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Chú thích:

M: Móng D: Dày TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/ren trong thau Trang 3/5

Phụ tùng ống PVC-U hệ Inch theo tiêu chuẩn TCVN 8491:2011 - Phụ lục B
(tham khảo tiêu chuẩn BS 3505:1968)

| STT | Sản Phẩm | | ĐVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | | STT | Sản Phẩm | | ĐVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | |
|-----|---|----------|------|----------|----------------|------------|--------------|--|--------------|-----------|-----------|----------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 43 | Nắp khóa ren trong (Plastic female threaded end cap) | 21 D | Cái | 15 | 1.200 | 1.296 | 52 | Nối rút chuyển hệ Inch - Mét (Inch - Metre Reducing socket) | 75 x 49 TC | Cái | 10 | 25.800 | 27.864 |
| | | 27 D | - | 15 | 2.300 | 2.484 | | | 75 x 60 M | - | 6 | 9.000 | 9.720 |
| | | 34 D | - | 15 | 4.300 | 4.644 | | | 75 x 60 D | - | 10 | 34.000 | 36.720 |
| | | | | | | | | | 90 x 75 M | - | 6 | 28.800 | 31.104 |
| 44 | Nắp khóa ren ngoài (Plastic male threaded end cap) | 21 D | Cái | 15 | 1.400 | 1.512 | | | 90 x 75 D | - | 12 | 40.000 | 43.200 |
| | | 27 D | - | 15 | 2.100 | 2.268 | | | 110 x 90 TC | - | 10 | 75.300 | 81.324 |
| | | 34 D | - | 15 | 2.300 | 2.484 | | | 140 x 90 TC | - | 10 | 140.100 | 151.308 |
| | | | | | | | | | 140 x 114 M | - | 6 | 63.300 | 68.364 |
| 45 | Khớp nối sổng (Barrel union) | 21 | Bộ | 15 | 11.600 | 12.528 | | | 160 x 90 TC | - | 8 | 160.200 | 173.016 |
| | | 27 | - | 15 | 16.200 | 17.496 | | | 168 x 140 TC | - | 5 | 118.600 | 128.088 |
| | | 34 | - | 15 | 22.900 | 24.732 | | | 168 x 140 TC | - | 9 | 198.000 | 213.840 |
| | | 42 | - | 12 | 28.100 | 30.348 | | | 200 x 90 TC | - | 6 | 301.300 | 325.404 |
| | | 49 | - | 12 | 47.000 | 50.760 | | | 200 x 114 TC | - | 10 | 356.200 | 384.696 |
| | | 60 | - | 12 | 68.100 | 73.548 | | | 220 x 140 D | - | 9 | 633.100 | 683.748 |
| | | 90 | - | 12 | 156.900 | 169.452 | | | 225 x 168 TC | - | 10 | 577.900 | 624.132 |
| | | 114 | - | 9 | 288.100 | 311.148 | | | 250 x 168 TC | - | 10 | 864.300 | 933.444 |
| 46 | Xi phòng P (P Trap) | 21 TC | Cái | | 10.100 | 10.908 | 280 x 168 TC | - | 10 | 1.330.200 | 1.436.616 | | |
| | | 27 TC | - | | 14.600 | 15.768 | 280 x 220 TC | - | 10 | 1.216.600 | 1.313.928 | | |
| | | 34 TC | - | | 22.800 | 24.624 | 315 x 220 TC | - | 6 | 1.427.300 | 1.541.484 | | |
| 47 | Xi phòng R (R Trap) | 21 TC | Cái | | 10.100 | 10.908 | 53 | Co 90° rút chuyển hệ Inch - Mét (90° Inch - Metre Reducing Elbow) | 75 x 60 M | Cái | 6 | 16.400 | 17.712 |
| | | 27 TC | - | | 14.600 | 15.768 | | | 90 x 75 M | - | 6 | 26.000 | 28.080 |
| | | 34 TC | - | | 23.100 | 24.948 | | | 140 x 114 M | - | 6 | 118.300 | 127.764 |
| 48 | Xi phòng U (U Trap) | 21 TC | Cái | | 10.600 | 11.448 | 54 | Chữ Y rút - T45° - chuyển hệ Inch - Mét (Inch - Metre Reducing Y - Tee 45°) | 90 x 75 M | Cái | 6 | 65.000 | 70.200 |
| | | 27 TC | - | | 15.400 | 16.632 | | | 168 x 140 M | - | 6 | 359.700 | 388.476 |
| | | 34 TC | - | | 26.900 | 29.052 | | | | | | | |
| 49 | Bạc chuyển bậc (Reduced Bush) | 60 x 49 | Cái | 12 | 9.700 | 10.476 | 55 | Chữ T rút chuyển hệ Inch - Mét (Inch - Metre Reducing tee) | 75 x 60 M | Cái | 6 | 27.100 | 29.268 |
| | | 75 x 60 | - | 12 | 14.600 | 15.768 | | | 90 x 75 M | - | 6 | 42.800 | 46.224 |
| | | 90 x 60 | - | 12 | 25.100 | 27.108 | | | 140 x 114 M | - | 6 | 154.200 | 166.536 |
| | | 90 x 75 | - | 12 | 19.200 | 20.736 | | | 140 x 114 D | - | 10 | 282.000 | 304.560 |
| | | 110 x 60 | - | 12 | 45.500 | 49.140 | | | 168 x 140 M | - | 6 | 311.800 | 336.744 |
| 50 | Keo dán (Solvent cement) | 25gr | Tuýp | | 6.000 | 6.480 | 56 | T cong rút chuyển hệ Inch - Mét (Inch - Metre Reducing 90° turn lateral tee) | 140 x 90 M | Cái | 6 | 143.200 | 154.656 |
| | | 50gr | - | | 10.200 | 11.016 | | | 140 x 90 D | - | 10 | 409.900 | 442.692 |
| | | 100gr | - | | 18.700 | 20.196 | | | 140 x 114 M | - | 6 | 189.900 | 205.092 |
| | | 200gr | Lon | | 48.300 | 52.164 | | | 140 x 114 D | - | 10 | 536.200 | 579.096 |
| | | 500gr | - | | 87.700 | 94.716 | | | 168 x 140 M | - | 6 | 309.400 | 334.152 |
| | | 1kg | - | | 163.900 | 177.012 | | | | | | | |
| 51 | Keo dán không mùi (Solvent cement - No odor) | 25gr | Tuýp | | 8.600 | 9.288 | | | | | | | |
| | | 200gr | Lon | | 68.400 | 73.872 | | | | | | | |

Chú thích:

M: Mỏng D: Dày TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/ren trong thau Trang 4/5

Phụ tùng ống PVC-U hệ Mét

| STT | Sản Phẩm | | DVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | | STT | Sản Phẩm | | DVT | PN (bar) | Đơn giá (đồng) | |
|--------------|---|--------------|-----------|-----------|----------------|---|-------------|---|-------------|---------|----------|----------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Co 45° (45° Elbow) | 75 D | Cái | 12,5 | 41.500 | 44.820 | 12 | Co 90° (90° Elbow) | 75 M | Cái | 6 | 16.600 | 17.928 |
| | | 110 M | - | 6 | 49.900 | 53.892 | | | 75 D | - | 12 | 44.600 | 48.168 |
| | | 110 D | - | 8 | 93.300 | 100.764 | | | 110 M | - | 6 | 61.000 | 65.880 |
| | | 140 M | - | 6 | 93.400 | 100.872 | | | 110 D | - | 10 | 119.000 | 128.520 |
| | | 140 D | - | 12,5 | 190.000 | 205.200 | | | 140 M | - | 4 | 121.200 | 130.896 |
| | | 160 M | - | 6 | 155.400 | 167.832 | | | 140 M | - | 6 | 158.500 | 171.180 |
| | | 200 TC | - | 8 | 539.200 | 582.336 | | | 140 D | - | 12,5 | 223.900 | 241.812 |
| | | 225 TC | - | 8 | 757.700 | 818.316 | | | 160 M | - | 6 | 177.400 | 191.592 |
| | | 250 TC | - | 8 | 1.021.500 | 1.103.220 | | | 200 M | - | 6 | 386.600 | 417.528 |
| | | 280 TC | - | 8 | 1.487.500 | 1.606.500 | | | 200 D | - | 10 | 519.100 | 560.628 |
| | | 315 TC | - | 8 | 1.917.900 | 2.071.332 | 225 M | - | 6 | 584.100 | 630.828 | | |
| | | | | | | | | 225 D | - | 10 | 998.900 | 1.078.812 | |
| 2 | Nối ren ngoài (Plastic male threaded socket) | 75 D | Cái | 10 | 32.400 | 34.992 | 13 | Nối trơn (Plaint socket) | 75 M | Cái | 6 | 8.300 | 8.964 |
| 3 | Nối ren trong (Plastic female threaded socket) | 75 D | Cái | 10 | 32.300 | 34.884 | | | 110 D | - | 12,5 | 83.100 | 89.748 |
| 4 | Nối rút trơn (Reducing socket) | 110 x 75 TC | Cái | 10 | 72.100 | 77.868 | | | 140 M | - | 6 | 74.400 | 80.352 |
| | | 140 x 75 TC | - | 10 | 140.100 | 151.308 | | | 140 D | - | 10 | 128.900 | 139.212 |
| | | 140 x 110 TC | - | 10 | 140.100 | 151.308 | | | 160 D | - | 10 | 165.400 | 178.632 |
| | | 160 x 75 TC | - | 8 | 160.200 | 173.016 | | | 200 TC | - | 10 | 498.400 | 538.272 |
| | | 160 x 110 TC | - | 8 | 160.200 | 173.016 | | | 225 TC | - | 10 | 680.800 | 735.264 |
| | | 160 x 110 TC | - | 10 | 209.900 | 226.692 | | | 250 TC | - | 10 | 989.900 | 1.069.092 |
| | | 160 x 140 TC | - | 10 | 209.900 | 226.692 | | | 280 TC | - | 10 | 1.189.300 | 1.284.444 |
| | | 200x90 TC(m) | - | 6 | 301.300 | 325.404 | | | 315 TC | - | 10 | 1.917.900 | 2.071.332 |
| | | 200 x 110 TC | - | 6 | 301.300 | 325.404 | 14 | Chữ T (Tee) | 75 M | Cái | 5 | 32.400 | 34.992 |
| | | 200 x 140 TC | - | 6 | 284.600 | 307.368 | | | 75 D | - | 10 | 70.800 | 76.464 |
| 200 x 140 TC | - | 10 | 467.900 | 505.332 | 110 M | - | | | 6 | 75.100 | 81.108 | | |
| 200 x 160 TC | - | 6 | 295.700 | 319.356 | 110 D | - | | | 10 | 168.100 | 181.548 | | |
| 200 x 160 TC | - | 10 | 467.900 | 505.332 | 140 M | - | | | 4 | 161.700 | 174.636 | | |
| 225 x 160 TC | - | 10 | 513.700 | 554.796 | 140 M | - | | | 6 | 176.400 | 190.512 | | |
| 225 x 200 TC | - | 10 | 468.700 | 506.196 | 140 D | - | | | 12,5 | 352.400 | 380.592 | | |
| 250 x 160 TC | - | 6 | 528.900 | 571.212 | 160 M | - | | | 6 | 243.200 | 262.656 | | |
| 250 x 200 TC | - | 10 | 942.900 | 1.018.332 | 160 D | - | | | 10 | 608.400 | 657.072 | | |
| 250 x 225 TC | - | 10 | 942.900 | 1.018.332 | 200 M | - | | | 6 | 559.900 | 604.692 | | |
| 315 x 225 TC | - | 8 | 1.288.600 | 1.391.688 | 200 D | - | 10 | 921.800 | 995.544 | | | | |
| 315 x 225 TC | - | 10 | 1.619.100 | 1.748.628 | 225 M | - | 6 | 640.900 | 692.172 | | | | |
| 315 x 250 TC | - | 10 | 1.743.400 | 1.882.872 | 225 D | - | 10 | 1.784.300 | 1.927.044 | | | | |
| 250 M | - | 6 | 923.000 | 996.840 | 15 | Chữ Y - T 45° (Y - Tee 45°) | 75 M | Cái | 8 | 61.600 | 66.528 | | |
| 5 | Hộp đấu nối (Manhole) | 225 x 110 M | Bộ | 8 | | | 973.100 | 1.050.948 | 90 M (m) | - | 6 | 99.000 | 106.920 |
| 6 | Chữ T rút (Reducing tee) | 140 x 110 M | Cái | 6 | | | 161.300 | 174.204 | 110 M | - | 3 | 104.400 | 112.752 |
| 7 | T cong (90° turn lateral tee) | 140 M | Cái | 6 | | | 202.900 | 219.132 | 110 M | - | 6 | 138.000 | 149.040 |
| | | 140 D | - | 10 | | | 394.100 | 425.628 | 140 M | - | 6 | 327.500 | 353.700 |
| | | 200 M | - | 6 | | | 534.500 | 577.260 | 160 M | - | 6 | 418.500 | 451.980 |
| 200 M | - | 6 | 882.400 | 952.992 | 16 | Chữ Y rút - T45° (Reducing Y-Tee 45°) | 200 x 110 M | Cái | 6 | 528.000 | 570.240 | | |
| 8 | T cong rút (Reducing 90° turn lateral tee) | 160 x 110 M | Cái | 8 | | | 405.500 | 437.940 | 200 x 140 M | - | 6 | 610.500 | 659.340 |
| | | | | | | | | 200 x 160 M | - | 6 | 641.500 | 692.820 | |
| 9 | Bích đơn (Single flange) | 250 D | Bộ | 10 | 1.109.600 | 1.198.368 | 17 | Nắp đậy ống PE (End cap for PE pipe) | 20 | Cái | | 1.000 | 1.080 |
| 10 | Nắp khóa (End cap) | 110 D | Cái | 12,5 | 68.700 | 74.196 | | | 25 | - | | 1.000 | 1.080 |
| | | 140 M | - | 6 | 51.900 | 56.052 | | | 29 | - | | 1.000 | 1.080 |
| | | 140 D | - | 10 | 96.800 | 104.544 | | | 32 | - | | 1.200 | 1.296 |
| | | 160 M | - | 6 | 77.200 | 83.376 | | | 40 | - | | 2.300 | 2.484 |
| | | 200 M | - | 6 | 177.800 | 192.024 | | | 50 | - | | 3.200 | 3.456 |
| 11 | Bít xả ren ngoài (Male threaded clean out) | 140 M | Bộ | 6 | 113.700 | 122.796 | | | 63 | - | | 4.300 | 4.644 |
| | | | | | | | | | 75 | - | | 5.800 | 6.264 |
| | | | | | | | | | 90 | - | | 8.400 | 9.072 |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |

Chú thích:

M: Mỏng D: Dây TC: Thủ công RN/RT: Ren ngoài/ren trong (m): Hệ mét RNT/RTT: Ren ngoài thau/ren trong thau Trang 5/5



BẢNG GIÁ ỒNG NHỰA HDPE
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Ống HDPE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427-2-2007

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | | STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|------------|----------|--------------|----------|--------------------|------------|-----|----------|--------------|----------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø 16 | 16 x 2,0mm | 20 | 10.000 | 10.800 | 11 | Ø 125 | 125 x 4,8mm | 6 | 204.500 | 220.860 |
| 2 | Ø 20 | 20 x 1,5mm | 12,5 | 10.200 | 11.016 | | | 125 x 6,0mm | 8 | 253.500 | 273.780 |
| | | 20 x 2,0mm | 16 | 12.500 | 13.500 | | | 125 x 7,4mm | 10 | 310.000 | 334.800 |
| | | 20 x 2,3mm | 20 | 14.800 | 15.984 | | | 125 x 9,2mm | 12,5 | 377.700 | 407.916 |
| 3 | Ø 25 | 25 x 1,5mm | 10 | 13.000 | 14.040 | 12 | Ø 140 | 125 x 11,4mm | 16 | 458.300 | 494.964 |
| | | 25 x 2,0mm | 12,5 | 16.000 | 17.280 | | | 140 x 5,4mm | 6 | 256.600 | 277.128 |
| | | 25 x 2,3mm | 16 | 19.000 | 20.520 | | | 140 x 6,7mm | 8 | 315.700 | 340.956 |
| 25 x 3,0mm | 20 | 22.300 | 24.084 | 140 x 8,3mm | 10 | | | 386.900 | 417.852 | | |
| 4 | Ø 32 | 32 x 2,0mm | 10 | 21.400 | 23.112 | 13 | Ø 160 | 140 x 10,3mm | 12,5 | 468.600 | 506.088 |
| | | 32 x 2,4mm | 12,5 | 26.100 | 28.188 | | | 140 x 12,7mm | 16 | 568.100 | 613.548 |
| | | 32 x 3,0mm | 16 | 30.600 | 33.048 | | | 160 x 6,2mm | 6 | 336.200 | 363.096 |
| 32 x 3,6mm | 20 | 36.800 | 39.744 | 160 x 7,7mm | 8 | | | 414.600 | 447.768 | | |
| 5 | Ø 40 | 40 x 2,0mm | 8 | 27.100 | 29.268 | 14 | Ø 180 | 160 x 9,5mm | 10 | 508.400 | 549.072 |
| | | 40 x 2,4mm | 10 | 32.600 | 35.208 | | | 160 x 11,8mm | 12,5 | 611.500 | 660.420 |
| | | 40 x 3,0mm | 12,5 | 39.500 | 42.660 | | | 160 x 14,6mm | 16 | 751.400 | 811.512 |
| | | 40 x 3,7mm | 16 | 47.400 | 51.192 | | | 180 x 6,9mm | 6 | 420.100 | 453.708 |
| 6 | Ø 50 | 40 x 4,5mm | 20 | 56.300 | 60.804 | 15 | Ø 200 | 180 x 8,6mm | 8 | 521.900 | 563.652 |
| | | 50 x 2,4mm | 8 | 42.000 | 45.360 | | | 180 x 10,7mm | 10 | 640.100 | 691.308 |
| | | 50 x 3,0mm | 10 | 50.100 | 54.108 | | | 180 x 13,3mm | 12,5 | 779.500 | 841.860 |
| | | 50 x 3,7mm | 12,5 | 60.300 | 65.124 | | | 180 x 16,4mm | 16 | 945.100 | 1.020.708 |
| 7 | Ø 63 | 50 x 4,6mm | 16 | 73.500 | 79.380 | 16 | Ø 225 | 200 x 7,7mm | 6 | 521.800 | 563.544 |
| | | 50 x 5,6mm | 20 | 87.000 | 93.960 | | | 200 x 9,6mm | 8 | 650.100 | 702.108 |
| | | 63 x 3,0mm | 8 | 65.100 | 70.308 | | | 200 x 11,9mm | 10 | 802.100 | 866.268 |
| | | 63 x 3,8mm | 10 | 80.000 | 86.400 | | | 200 x 14,7mm | 12,5 | 955.300 | 1.031.724 |
| | | 63 x 4,7mm | 12,5 | 97.000 | 104.760 | | | 200 x 18,2mm | 16 | 1.182.500 | 1.277.100 |
| 8 | Ø 75 | 63 x 5,8mm | 16 | 115.700 | 124.956 | 17 | Ø 250 | 225 x 8,6mm | 6 | 654.600 | 706.968 |
| | | 63 x 7,1mm | 20 | 138.500 | 149.580 | | | 225 x 10,8mm | 8 | 818.800 | 884.304 |
| | | 75 x 3,6mm | 8 | 92.700 | 100.116 | | | 225 x 13,4mm | 10 | 986.000 | 1.064.880 |
| | | 75 x 4,5mm | 10 | 114.200 | 123.336 | | | 225 x 16,6mm | 12,5 | 1.207.600 | 1.304.208 |
| | | 75 x 5,6mm | 12,5 | 137.700 | 148.716 | | | 225 x 20,5mm | 16 | 1.445.800 | 1.561.464 |
| 9 | Ø 90 | 75 x 6,8mm | 16 | 164.300 | 177.444 | 18 | Ø 280 | 250 x 9,6mm | 6 | 810.900 | 875.772 |
| | | 75 x 8,4mm | 20 | 196.200 | 211.896 | | | 250 x 11,9mm | 8 | 999.100 | 1.079.028 |
| | | 90 x 4,3mm | 8 | 146.300 | 158.004 | | | 250 x 14,8mm | 10 | 1.221.500 | 1.319.220 |
| | | 90 x 5,4mm | 10 | 162.000 | 174.960 | | | 250 x 18,4mm | 12,5 | 1.501.400 | 1.621.512 |
| | | 90 x 6,7mm | 12,5 | 195.800 | 211.464 | | | 250 x 22,7mm | 16 | 1.798.700 | 1.942.596 |
| 10 | Ø 110 | 90 x 8,2mm | 16 | 235.200 | 254.016 | 18 | Ø 280 | 280 x 10,7mm | 6 | 1.005.600 | 1.086.048 |
| | | 90 x 10,1mm | 20 | 281.500 | 304.020 | | | 280 x 13,4mm | 8 | 1.274.500 | 1.376.460 |
| | | 110 x 4,2mm | 6 | 158.000 | 170.640 | | | 280 x 16,6mm | 10 | 1.522.100 | 1.643.868 |
| | | 110 x 5,3mm | 8 | 196.300 | 212.004 | | | 280 x 20,6mm | 12,5 | 1.882.400 | 2.032.992 |
| | | 110 x 6,6mm | 10 | 245.600 | 265.248 | | | 280 x 25,4mm | 16 | 2.254.300 | 2.434.644 |
| | Ø 110 | 110 x 8,1mm | 12,5 | 293.300 | 316.764 | | | | | | |
| | | 110 x 10,0mm | 16 | 354.300 | 382.644 | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: Ống PE DN20 x 1,5mm và DN25 x 1,5mm (PE100) được sản xuất tham khảo theo tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007.
 Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Ống HDPE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427-2-2007

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | | STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|--------------|-------------|--------------------|------------|-----|----------|----------------|-------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 19 | Ø 315 | 315 x 12,1mm | 6 | 1.282.300 | 1.384.884 | 25 | Ø 630 | 630 x 24,1mm | 6 | 5.564.800 | 6.009.984 |
| | | 315 x 15,0mm | 8 | 1.596.500 | 1.724.220 | | | 630 x 30,0mm | 8 | 6.842.700 | 7.390.116 |
| | | 315 x 18,7mm | 10 | 1.938.200 | 2.093.256 | | | 630 x 37,4mm | 10 | 8.422.000 | 9.095.760 |
| | | 315 x 23,2mm | 12,5 | 2.354.300 | 2.542.644 | | | 630 x 46,3mm | 12,5 | 10.258.200 | 11.078.856 |
| | | 315 x 28,6mm | 16 | 2.853.500 | 3.081.780 | | | 630 x 57,2mm | 16 | 11.646.800 | 12.578.544 |
| 20 | Ø 355 | 355 x 13,6mm | 6 | 1.628.700 | 1.758.996 | 26 | Ø 710 | 710 x 27,2mm | 6 | 7.085.000 | 7.651.800 |
| | | 355 x 16,9mm | 8 | 2.007.700 | 2.168.316 | | | 710 x 33,9mm | 8 | 8.724.800 | 9.422.784 |
| | | 355 x 21,1mm | 10 | 2.463.000 | 2.660.040 | | | 710 x 42,1mm | 10 | 10.702.900 | 11.559.132 |
| | | 355 x 26,1mm | 12,5 | 2.986.000 | 3.224.880 | | | 710 x 52,2mm | 12,5 | 13.051.800 | 14.095.944 |
| | | 355 x 32,2mm | 16 | 3.622.500 | 3.912.300 | | | 710 x 64,5mm | 16 | 15.800.900 | 17.064.972 |
| 21 | Ø 400 | 400 x 15,3mm | 6 | 2.054.700 | 2.219.076 | 27 | Ø 800 | 800 x 30,6mm | 6 | 8.973.000 | 9.690.840 |
| | | 400 x 19,1mm | 8 | 2.574.600 | 2.780.568 | | | 800 x 38,1mm | 8 | 11.058.900 | 11.943.612 |
| | | 400 x 23,7mm | 10 | 3.129.800 | 3.380.184 | | | 800 x 47,4mm | 10 | 13.571.800 | 14.657.544 |
| | | 400 x 29,4mm | 12,5 | 3.780.400 | 4.082.832 | | | 800 x 58,8mm | 12,5 | 13.939.500 | 15.054.660 |
| | | 400 x 36,3mm | 16 | 4.616.700 | 4.986.036 | | | | | | |
| 22 | Ø 450 | 450 x 17,2mm | 6 | 2.625.900 | 2.835.972 | 28 | Ø 900 | 900 x 34,4mm | 6 | 11.348.400 | 12.256.272 |
| | | 450 x 21,5mm | 8 | 3.231.700 | 3.490.236 | | | 900 x 42,9mm | 8 | 13.992.700 | 15.112.116 |
| | | 450 x 26,7mm | 10 | 3.954.800 | 4.271.184 | | | 900 x 53,3mm | 10 | 17.167.300 | 18.540.684 |
| | | 450 x 33,1mm | 12,5 | 4.779.700 | 5.162.076 | | | 900 x 66,2mm | 12,5 | 20.974.300 | 22.652.244 |
| | | 450 x 40,9mm | 16 | 5.843.400 | 6.310.872 | | | | | | |
| 23 | Ø 500 | 500 x 19,1mm | 6 | 3.197.900 | 3.453.732 | 29 | Ø 1.000 | 1.000 x 38,2mm | 6 | 14.003.000 | 15.123.240 |
| | | 500 x 23,9mm | 8 | 4.009.100 | 4.329.828 | | | 1.000 x 47,7mm | 8 | 17.288.600 | 18.671.688 |
| | | 500 x 29,7mm | 10 | 4.918.000 | 5.311.440 | | | 1.000 x 59,3mm | 10 | 21.216.600 | 22.913.928 |
| | | 500 x 36,8mm | 12,5 | 5.948.300 | 6.424.164 | | | 1.000 x 72,5mm | 12,5 | 25.546.400 | 27.590.112 |
| | | 500 x 45,4mm | 16 | 7.243.500 | 7.822.980 | | | | | | |
| 24 | Ø 560 | 560 x 21,4mm | 6 | 4.392.000 | 4.743.360 | 30 | Ø 1.200 | 1.200 x 45,9mm | 6 | 20.169.300 | 21.782.844 |
| | | 560 x 26,7mm | 8 | 5.415.700 | 5.848.956 | | | 1.200 x 57,2mm | 8 | 24.883.200 | 26.873.856 |
| | | 560 x 33,2mm | 10 | 6.649.300 | 7.181.244 | | | 1.200 x 67,9mm | 10 | 29.226.400 | 31.564.512 |
| | | 560 x 41,2mm | 12,5 | 8.116.100 | 8.765.388 | | | | | | |
| | | 560 x 50,8mm | 16 | 9.803.200 | 10.587.456 | | | | | | |

Ghi chú: Ống PE DN20 x 1,5mm và DN25 x 1,5mm (PE100) được sản xuất tham khảo theo tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007.
Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

M *Đo 4m*



NHỰA BÌNH MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn



Từ năm 1997



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA LDPE
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

*Ống LDPE dùng cho tưới tiêu
theo tiêu chuẩn ISO 8779*

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|------------|-------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø16 | 16 x 1,0mm | 4 | 7.500 | 8.100 |
| 2 | Ø 20 | 20 x 1,2mm | 4 | 11.100 | 11.988 |
| 3 | Ø 25 | 25 x 1,5mm | 4 | 16.900 | 18.252 |

Handwritten signatures and initials in blue ink.



BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỚNG NHỰA PE
ĐÚC - HÀN ĐỐI ĐẦU
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/cái) | |
|-----------|--|-----------|-----------|--------------------|------------|-----------|-------------------------------------|------------|------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Nối giảm (Reducing Coupling - Butt Fusion) | 90 x 63 | 16 | 158.500 | 171.180 | 3 | Co 90° (90° Elbow - Butt Fusion) | 250 | 16 | 4.997.900 | 5.397.732 |
| | | 90 x 75 | 16 | 166.000 | 179.280 | | | 280 | 10 | 5.356.700 | 5.785.236 |
| | | 110 x 63 | 16 | 267.700 | 289.116 | | | 315 | 10 | 9.230.100 | 9.968.508 |
| | | 110 x 90 | 16 | 287.000 | 309.960 | | | 355 | 10 | 12.831.700 | 13.858.236 |
| | | 160 x 90 | 16 | 777.400 | 839.592 | | | 400 | 10 | 14.087.500 | 15.214.500 |
| | | 160 x 110 | 16 | 789.400 | 852.552 | | | | | | |
| | | 200 x 110 | 16 | 1.275.300 | 1.377.324 | 4 | Co 45° (45° Elbow - Butt Fusion) | 63 | 16 | 128.600 | 138.888 |
| | | 200 x 160 | 16 | 1.339.500 | 1.446.660 | | | 75 | 16 | 210.900 | 227.772 |
| | | 225 x 160 | 10 | 1.785.000 | 1.927.800 | | | 90 | 16 | 343.900 | 371.412 |
| | | 250 x 160 | 16 | 2.423.500 | 2.617.380 | | | 110 | 16 | 465.000 | 502.200 |
| | | 250 x 200 | 16 | 2.550.500 | 2.754.540 | | | 160 | 16 | 1.375.400 | 1.485.432 |
| | | 315 x 250 | 10 | 4.504.500 | 4.864.860 | | | 200 | 16 | 2.136.400 | 2.307.312 |
| | | 355 x 315 | 10 | 4.754.100 | 5.134.428 | | | 225 | 16 | 3.156.000 | 3.408.480 |
| | | 400 x 250 | 10 | 4.828.900 | 5.215.212 | | | 250 | 16 | 4.017.100 | 4.338.468 |
| 400 x 315 | 10 | 5.029.200 | 5.431.536 | 315 | 10 | 5.953.100 | 6.429.348 | | | | |
| 2 | T đều (Equal Tee - Butt Fusion) | 63 | 16 | 224.300 | 242.244 | 400 | 10 | 10.544.300 | 11.387.844 | | |
| | | 90 | 16 | 509.900 | 550.692 | 5 | T giảm (Reducing Tee - Butt Fusion) | 75 x 63 | 16 | 287.000 | 309.960 |
| | | 110 | 16 | 828.200 | 894.456 | | | 90 x 63 | 16 | 418.600 | 452.088 |
| | | 160 | 16 | 2.103.500 | 2.271.780 | | | 90 x 75 | 10 | 541.200 | 584.496 |
| | | 200 | 16 | 3.885.600 | 4.196.448 | | | 110 x 63 | 16 | 574.100 | 620.028 |
| | | 225 | 16 | 5.515.100 | 5.956.308 | | | 110 x 90 | 16 | 828.200 | 894.456 |
| | | 250 | 16 | 6.598.900 | 7.126.812 | | | 160 x 90 | 16 | 1.734.200 | 1.872.936 |
| | | 315 | 10 | 8.369.000 | 9.038.520 | | | 160 x 110 | 16 | 1.770.100 | 1.911.708 |
| | | 355 | 10 | 14.785.600 | 15.968.448 | | | 200 x 110 | 16 | 2.538.500 | 2.741.580 |
| | | 400 | 10 | 14.929.100 | 16.123.428 | | | 200 x 160 | 16 | 3.299.500 | 3.563.460 |
| 3 | Co 90° (90° Elbow - Butt Fusion) | 63 | 16 | 167.400 | 180.792 | | | 225 x 160 | 10 | 3.664.300 | 3.957.444 |
| | | 75 | 16 | 254.200 | 274.536 | 250 x 160 | 10 | 3.739.100 | 4.038.228 | | |
| | | 90 | 16 | 337.900 | 364.932 | 315 x 250 | 10 | 7.950.400 | 8.586.432 | | |
| | | 110 | 16 | 574.100 | 620.028 | 355 x 250 | 10 | 13.459.600 | 14.536.368 | | |
| | | 160 | 16 | 1.536.900 | 1.659.852 | 400 x 250 | 10 | 13.807.800 | 14.912.424 | | |
| | | 200 | 16 | 2.701.500 | 2.917.620 | 400 x 315 | 10 | 14.506.100 | 15.666.588 | | |
| | | 225 | 16 | 4.017.100 | 4.338.468 | | | | | | |

Ghi chú:

Phụ tùng PE Đúc - Hàn đối đầu nhập khẩu từ CT TNHH JILIN SONGJIANG SMART JOINT.

Trang 1/1



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814



Website: www.binhminhplastic.com.vn
CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG NHỰA PE ĐÚC - HÀN ĐIỆN TRỞ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/cái) | |
|-----|--|-----------|----------|--------------------|------------|-----------|---------------------------------------|-----------|----------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Nối (Coupling - Electrofusion) | 50 | 16 | 200.300 | 216.324 | 4 | T giảm (Reducing Tee - Electrofusion) | 75 x 63 | 16 | 677.300 | 731.484 |
| | | 63 | 16 | 239.200 | 258.336 | | | 90 x 63 | 16 | 876.100 | 946.188 |
| | | 75 | 16 | 358.800 | 387.504 | | | 110 x 63 | 16 | 1.255.800 | 1.356.264 |
| | | 90 | 16 | 547.200 | 590.976 | | | 160 x 63 | 16 | 2.689.600 | 2.904.768 |
| | | 110 | 16 | 765.400 | 826.632 | | | 160 x 90 | 16 | 2.830.100 | 3.056.508 |
| | | 160 | 16 | 1.650.500 | 1.782.540 | | | 200 x 63 | 16 | 5.120.400 | 5.530.032 |
| | | 200 | 16 | 2.689.600 | 2.904.768 | | | 200 x 90 | 16 | 5.340.100 | 5.767.308 |
| | | 250 | 16 | 4.423.800 | 4.777.704 | | | 200 x 110 | 16 | 5.539.000 | 5.982.120 |
| 2 | Nối giảm (Reducing Coupling - Electrofusion) | 75 x 63 | 16 | 497.900 | 537.732 | 5 | Co 90° (90° Elbow - Electrofusion) | 50 | 16 | 308.000 | 332.640 |
| | | 90 x 75 | 16 | 577.100 | 623.268 | | | 63 | 16 | 388.700 | 419.796 |
| | | 110 x 63 | 16 | 837.200 | 904.176 | | | 90 | 16 | 897.000 | 968.760 |
| | | 110 x 75 | 16 | 885.000 | 955.800 | | | 110 | 16 | 1.052.500 | 1.136.700 |
| | | 160 x 90 | 16 | 1.817.900 | 1.963.332 | | | 160 | 16 | 3.562.700 | 3.847.716 |
| | | 160 x 110 | 16 | 1.832.900 | 1.979.532 | | | 200 | 16 | 5.797.600 | 6.261.408 |
| 3 | T đều (Equal Tee - Electrofusion) | 63 | 16 | 497.900 | 537.732 | 6 | Co 45° (45° Elbow - Electrofusion) | 50 | 16 | 278.100 | 300.348 |
| | | 90 | 16 | 935.900 | 1.010.772 | | | 63 | 16 | 337.900 | 364.932 |
| | | 110 | 16 | 1.514.500 | 1.635.660 | | | 75 | 16 | 547.200 | 590.976 |
| | | 160 | 16 | 3.028.900 | 3.271.212 | | | 90 | 16 | 756.500 | 817.020 |
| | | | | | | | | 110 | 16 | 1.166.100 | 1.259.388 |
| | | | | 160 | 16 | 2.510.200 | 2.711.016 | | | | |

Đào Xuân

[Handwritten signature]

Ghi chú:

Phụ tùng PE Đúc - Hàn điện trở nhập khẩu từ CT TNHH JILIN SONGJIANG SMART JOINT.



NHỰA BÌNH MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814

Website: www.binhminhplastic.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



Từ năm 1997



BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỚNG NHỰA PE THỦ CÔNG - HÀN ĐỐI ĐẦU ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI THAY ĐỔI BẢNG GIÁ MỚI

Table with 10 columns: STT, Tên, Quy cách, Chưa thuế, Thanh toán, and 5 identical columns on the right. It lists various sizes of 90-degree elbows (Co 90°) with their respective prices.

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|----------------|--------------------------|----------------|--------------------|-------------|--------------|-----------------------|--------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Co 90° (90° Elbow) | 500 x 19,1mm | 12.355.900 | 13.344.372 | 2 | Co 60° (60° Elbow) | 125 x 9,2mm | 494.800 | 534.384 |
| | | 500 x 23,9mm | 14.382.500 | 15.533.100 | | | 125 x 11,4mm | 592.600 | 640.008 |
| | | 500 x 29,7mm | 17.488.400 | 18.887.472 | | | 140 x 5,4mm | 359.600 | 388.368 |
| | | 500 x 36,8mm | 21.181.900 | 22.876.452 | | | 140 x 6,7mm | 439.800 | 474.984 |
| | | 500 x 45,4mm | 25.365.900 | 27.395.172 | | | 140 x 8,3mm | 536.800 | 579.744 |
| | | 560 x 21,4mm | 16.120.900 | 17.410.572 | | | 140 x 10,3mm | 646.900 | 698.652 |
| | | 560 x 26,7mm | 19.763.900 | 21.345.012 | | | 140 x 12,7mm | 778.500 | 840.780 |
| | | 560 x 33,2mm | 24.127.300 | 26.057.484 | | | 160 x 6,2mm | 476.100 | 514.188 |
| | | 560 x 41,2mm | 29.140.400 | 31.471.632 | | | 160 x 7,7mm | 578.600 | 624.888 |
| | | 560 x 50,8mm | 30.807.400 | 33.271.992 | | | 160 x 9,5mm | 703.900 | 760.212 |
| | | 630 x 24,1mm | 21.915.100 | 23.668.308 | | | 160 x 11,8mm | 855.000 | 923.400 |
| | | 630 x 30,0mm | 26.966.500 | 29.123.820 | | | 160 x 14,6mm | 1.021.100 | 1.102.788 |
| | | 630 x 37,4mm | 32.872.100 | 35.501.868 | | | 180 x 6,9mm | 607.800 | 656.424 |
| | | 630 x 46,3mm | 39.633.800 | 42.804.504 | | | 180 x 8,6mm | 742.100 | 801.468 |
| | | 630 x 57,2mm | 47.985.000 | 51.823.800 | | | 180 x 10,7mm | 910.100 | 982.908 |
| | | 710 x 27,2mm | 34.337.900 | 37.084.932 | | | 180 x 13,3mm | 1.098.800 | 1.186.704 |
| | | 710 x 33,9mm | 37.789.400 | 40.812.552 | | | 180 x 16,4mm | 1.312.600 | 1.417.608 |
| | | 710 x 42,1mm | 46.092.800 | 49.780.224 | | | 200 x 7,7mm | 772.000 | 833.760 |
| | | 800 x 30,6mm | 42.544.600 | 45.948.168 | | | 200 x 9,6mm | 941.900 | 1.017.252 |
| | | 800 x 38,1mm | 52.304.400 | 56.488.752 | | | 200 x 11,9mm | 1.146.300 | 1.238.004 |
| | | 800 x 47,4mm | 63.512.400 | 68.593.392 | | | 200 x 14,7mm | 1.389.000 | 1.500.120 |
| | | 900 x 42,9mm | 73.814.900 | 79.720.092 | | | 200 x 18,2mm | 1.669.300 | 1.802.844 |
| | | 900 x 53,3mm | 90.043.500 | 97.246.980 | | | 225 x 8,6mm | 981.900 | 1.060.452 |
| | | 1.000 x 47,7mm | 101.560.800 | 109.685.664 | | | 225 x 10,8mm | 1.204.300 | 1.300.644 |
| | | 1.000 x 59,3mm | 124.774.600 | 134.756.568 | | | 225 x 13,4mm | 1.465.500 | 1.582.740 |
| | | 1.200 x 57,2mm | 159.169.900 | 171.903.492 | | | 225 x 16,6mm | 1.774.800 | 1.916.784 |
| 1.200 x 67,9mm | 182.634.300 | 197.245.044 | 225 x 20,5mm | 2.124.600 | 2.294.568 | | | | |
| 2 | Co 60° (60° Elbow) | 90 x 4,3mm | 172.800 | 186.624 | 250 x 9,6mm | 1.566.500 | 1.691.820 | | |
| | | 90 x 5,4mm | 209.100 | 225.828 | 250 x 11,9mm | 1.929.600 | 2.083.968 | | |
| | | 90 x 6,7mm | 251.000 | 271.080 | 250 x 14,8mm | 2.349.600 | 2.537.568 | | |
| | | 90 x 8,2mm | 299.800 | 323.784 | 250 x 18,4mm | 2.840.500 | 3.067.740 | | |
| | | 90 x 10,1mm | 355.100 | 383.508 | 250 x 22,7mm | 3.401.600 | 3.673.728 | | |
| | | 110 x 4,2mm | 212.900 | 229.932 | 280 x 10,7mm | 2.024.000 | 2.185.920 | | |
| | | 110 x 5,3mm | 261.400 | 282.312 | 280 x 13,4mm | 2.470.900 | 2.668.572 | | |
| | | 110 x 6,6mm | 315.500 | 340.740 | 280 x 16,6mm | 3.008.500 | 3.249.180 | | |
| | | 110 x 8,1mm | 378.900 | 409.212 | 280 x 20,6mm | 3.634.900 | 3.925.692 | | |
| | | 110 x 10,0mm | 454.600 | 490.968 | 280 x 25,4mm | 4.369.500 | 4.719.060 | | |
| | | 125 x 4,8mm | 275.400 | 297.432 | 315 x 12,1mm | 2.866.600 | 3.095.928 | | |
| | | 125 x 6,0mm | 334.300 | 361.044 | 315 x 15,0mm | 3.532.100 | 3.814.668 | | |
| | | 125 x 7,4mm | 407.900 | 440.532 | 315 x 18,7mm | 4.299.600 | 4.643.568 | | |

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Signature
Signature

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|-----|-----------------------|--------------|--------------------|------------|--------------|-----------------------|----------------|--------------------|-------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 2 | Co 60° (60° Elbow) | 315 x 23,2mm | 5.187.400 | 5.602.392 | 2 | Co 60° (60° Elbow) | 1.000 x 47,7mm | 75.947.600 | 82.023.408 |
| | | 315 x 28,6mm | 6.236.800 | 6.735.744 | | | 1.000 x 59,3mm | 93.307.000 | 100.771.560 |
| | | 355 x 13,6mm | 4.067.600 | 4.393.008 | | | 1.200 x 57,2mm | 115.888.100 | 125.159.148 |
| | | 355 x 16,9mm | 5.040.600 | 5.443.848 | | | 1.200 x 67,9mm | 154.409.800 | 166.762.584 |
| | | 355 x 21,1mm | 6.130.100 | 6.620.508 | 3 | Co 45° (45° Elbow) | 90 x 4,3mm | 146.400 | 158.112 |
| | | 355 x 26,1mm | 7.401.500 | 7.993.620 | | | 90 x 5,4mm | 177.300 | 191.484 |
| | | 355 x 32,2mm | 8.899.900 | 9.611.892 | | | 90 x 6,7mm | 212.800 | 229.824 |
| | | 400 x 15,3mm | 5.489.800 | 5.928.984 | | | 90 x 8,2mm | 254.000 | 274.320 |
| | | 400 x 19,1mm | 6.736.900 | 7.275.852 | | | 90 x 10,1mm | 301.000 | 325.080 |
| | | 400 x 23,7mm | 8.223.000 | 8.880.840 | | | 110 x 4,2mm | 180.400 | 194.832 |
| | | 400 x 29,4mm | 9.924.500 | 10.718.460 | | | 110 x 5,3mm | 221.500 | 239.220 |
| | | 400 x 36,3mm | 11.938.300 | 12.893.364 | | | 110 x 6,6mm | 267.400 | 288.792 |
| | | 450 x 17,2mm | 7.364.300 | 7.953.444 | | | 110 x 8,1mm | 321.100 | 346.788 |
| | | 450 x 21,5mm | 9.039.900 | 9.763.092 | | | 110 x 10,0mm | 385.300 | 416.124 |
| | | 450 x 26,7mm | 11.020.600 | 11.902.248 | | | 125 x 4,8mm | 233.400 | 252.072 |
| | | 450 x 33,1mm | 13.331.000 | 14.397.480 | | | 125 x 6,0mm | 283.300 | 305.964 |
| | | 450 x 40,9mm | 15.997.000 | 17.276.760 | | | 125 x 7,4mm | 345.600 | 373.248 |
| | | 500 x 19,1mm | 10.840.600 | 11.707.848 | | | 125 x 9,2mm | 419.300 | 452.844 |
| | | 500 x 23,9mm | 12.617.900 | 13.627.332 | | | 125 x 11,4mm | 502.300 | 542.484 |
| | | 500 x 29,7mm | 15.342.600 | 16.570.008 | | | 140 x 5,4mm | 304.800 | 329.184 |
| | | 500 x 36,8mm | 18.582.600 | 20.069.208 | | | 140 x 6,7mm | 372.600 | 402.408 |
| | | 500 x 45,4mm | 22.253.100 | 24.033.348 | | | 140 x 8,3mm | 454.900 | 491.292 |
| | | 560 x 21,4mm | 13.877.600 | 14.987.808 | | | 140 x 10,3mm | 548.300 | 592.164 |
| | | 560 x 26,7mm | 17.013.300 | 18.374.364 | | | 140 x 12,7mm | 659.800 | 712.584 |
| | | 560 x 33,2mm | 20.768.900 | 22.430.412 | | | 160 x 6,2mm | 403.500 | 435.780 |
| | | 560 x 41,2mm | 25.084.100 | 27.090.828 | | | 160 x 7,7mm | 490.400 | 529.632 |
| | | 560 x 50,8mm | 33.810.000 | 36.514.800 | | | 160 x 9,5mm | 596.500 | 644.220 |
| | | 630 x 24,1mm | 18.051.800 | 19.495.944 | | | 160 x 11,8mm | 724.600 | 782.568 |
| | | 630 x 30,0mm | 22.212.100 | 23.989.068 | | | 160 x 14,6mm | 865.400 | 934.632 |
| | | 630 x 37,4mm | 27.076.600 | 29.242.728 | | | 180 x 6,9mm | 515.000 | 556.200 |
| | | 630 x 46,3mm | 32.646.100 | 35.257.788 | | | 180 x 8,6mm | 628.900 | 679.212 |
| | | 630 x 57,2mm | 39.201.300 | 42.337.404 | | | 180 x 10,7mm | 771.300 | 833.004 |
| | | 710 x 27,2mm | 24.276.300 | 26.218.404 | | | 180 x 13,3mm | 931.100 | 1.005.588 |
| | | 710 x 33,9mm | 29.786.900 | 32.169.852 | | | 180 x 16,4mm | 1.112.400 | 1.201.392 |
| | | 710 x 42,1mm | 36.176.100 | 39.070.188 | | | 200 x 7,7mm | 654.300 | 706.644 |
| | | 800 x 30,6mm | 31.711.600 | 34.248.528 | | | 200 x 9,6mm | 798.300 | 862.164 |
| | | 800 x 38,1mm | 38.986.100 | 42.104.988 | 200 x 11,9mm | 971.400 | 1.049.112 | | |
| | | 800 x 47,4mm | 47.340.400 | 51.127.632 | 200 x 14,7mm | 1.177.100 | 1.271.268 | | |
| | | 900 x 42,9mm | 55.164.100 | 59.577.228 | 200 x 18,2mm | 1.414.600 | 1.527.768 | | |
| | | 900 x 53,3mm | 67.292.600 | 72.676.008 | | | | | |

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Handwritten signatures and initials in blue ink.

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|--------------|-----------------------|--------------|--------------------|------------|-----------|-----------------------|----------------|--------------------|-------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 3 | Co 45° (45° Elbow) | 225 x 8,6mm | 832.100 | 898.668 | 3 | Co 45° (45° Elbow) | 560 x 21,4mm | 11.760.800 | 12.701.664 |
| | | 225 x 10,8mm | 1.020.500 | 1.102.140 | | | 560 x 26,7mm | 14.418.000 | 15.571.440 |
| | | 225 x 13,4mm | 1.242.000 | 1.341.360 | | | 560 x 33,2mm | 17.600.800 | 19.008.864 |
| | | 225 x 16,6mm | 1.504.000 | 1.624.320 | | | 560 x 41,2mm | 21.257.800 | 22.958.424 |
| | | 225 x 20,5mm | 1.800.500 | 1.944.540 | | | 560 x 50,8mm | 28.652.500 | 30.944.700 |
| | | 250 x 9,6mm | 1.327.500 | 1.433.700 | | | 630 x 24,1mm | 15.298.100 | 16.521.948 |
| | | 250 x 11,9mm | 1.635.300 | 1.766.124 | | | 630 x 30,0mm | 18.823.900 | 20.329.812 |
| | | 250 x 14,8mm | 1.991.300 | 2.150.604 | | | 630 x 37,4mm | 22.946.300 | 24.782.004 |
| | | 250 x 18,4mm | 2.407.300 | 2.599.884 | | | 630 x 46,3mm | 27.666.300 | 29.879.604 |
| | | 250 x 22,7mm | 2.882.800 | 3.113.424 | | | 630 x 57,2mm | 33.221.400 | 35.879.112 |
| | | 280 x 10,7mm | 1.715.300 | 1.852.524 | | | 710 x 27,2mm | 20.573.100 | 22.218.948 |
| | | 280 x 13,4mm | 2.094.000 | 2.261.520 | | | 710 x 33,9mm | 25.243.100 | 27.262.548 |
| | | 280 x 16,6mm | 2.549.600 | 2.753.568 | | | 710 x 42,1mm | 30.657.800 | 33.110.424 |
| | | 280 x 20,6mm | 3.080.400 | 3.326.832 | | | 800 x 30,6mm | 26.874.300 | 29.024.244 |
| | | 280 x 25,4mm | 3.703.000 | 3.999.240 | | | 800 x 38,1mm | 33.039.100 | 35.682.228 |
| | | 315 x 12,1mm | 2.429.400 | 2.623.752 | | | 800 x 47,4mm | 40.119.000 | 43.328.520 |
| | | 315 x 15,0mm | 2.993.400 | 3.232.872 | | | 900 x 42,9mm | 46.749.300 | 50.489.244 |
| | | 315 x 18,7mm | 3.643.800 | 3.935.304 | | | 900 x 53,3mm | 57.027.600 | 61.589.808 |
| | | 315 x 23,2mm | 4.396.100 | 4.747.788 | | | 1.000 x 47,7mm | 64.362.400 | 69.511.392 |
| | | 315 x 28,6mm | 5.285.400 | 5.708.232 | | | 1.000 x 59,3mm | 79.073.800 | 85.399.704 |
| | | 355 x 13,6mm | 3.447.100 | 3.722.868 | | | 1.200 x 57,2mm | 98.210.300 | 106.067.124 |
| | | 355 x 16,9mm | 4.271.800 | 4.613.544 | | | 1.200 x 67,9mm | 130.855.800 | 141.324.264 |
| | | 355 x 21,1mm | 5.195.000 | 5.610.600 | | | 90 x 4,3mm | 291.300 | 314.604 |
| | | 355 x 26,1mm | 6.272.500 | 6.774.300 | | | 90 x 5,4mm | 349.800 | 377.784 |
| | | 355 x 32,2mm | 7.542.300 | 8.145.684 | | | 90 x 6,7mm | 449.400 | 485.352 |
| | | 400 x 15,3mm | 4.652.400 | 5.024.592 | | | 90 x 8,2mm | 545.300 | 588.924 |
| | | 400 x 19,1mm | 5.709.300 | 6.166.044 | | | 90 x 10,1mm | 657.000 | 709.560 |
| | | 400 x 23,7mm | 6.968.600 | 7.526.088 | | | 110 x 4,2mm | 368.500 | 397.980 |
| | | 400 x 29,4mm | 8.410.600 | 9.083.448 | | | 110 x 5,3mm | 443.000 | 478.440 |
| | | 400 x 36,3mm | 10.117.100 | 10.926.468 | | | 110 x 6,6mm | 531.800 | 574.344 |
| | | 450 x 17,2mm | 6.240.900 | 6.740.172 | | | 110 x 8,1mm | 679.400 | 733.752 |
| | | 450 x 21,5mm | 7.660.900 | 8.273.772 | | | 110 x 10,0mm | 818.400 | 883.872 |
| | | 450 x 26,7mm | 9.339.500 | 10.086.660 | | | 125 x 4,8mm | 482.600 | 521.208 |
| 450 x 33,1mm | 11.297.500 | 12.201.300 | 125 x 6,0mm | 583.900 | 630.612 | | | | |
| 450 x 40,9mm | 13.556.800 | 14.641.344 | 125 x 7,4mm | 697.800 | 753.624 | | | | |
| 500 x 19,1mm | 9.187.000 | 9.921.960 | 125 x 9,2mm | 867.100 | 936.468 | | | | |
| 500 x 23,9mm | 10.693.100 | 11.548.548 | 125 x 11,4mm | 1.051.000 | 1.135.080 | | | | |
| 500 x 29,7mm | 13.002.300 | 14.042.484 | | | | | | | |
| 500 x 36,8mm | 15.748.000 | 17.007.840 | | | | | | | |
| 500 x 45,4mm | 18.858.600 | 20.367.288 | | | | | | | |

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Đỗ Ý Minh
M

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|-----|--|--------------|--------------------|------------|-----|--|--------------|--------------------|-------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 4 | T 90 ⁰ (90 ⁰ Tee) | 140 x 5,4mm | 613.800 | 662.904 | 4 | T 90 ⁰ (90 ⁰ Tee) | 355 x 13,6mm | 6.746.300 | 7.286.004 |
| | | 140 x 6,7mm | 738.900 | 798.012 | | | 355 x 16,9mm | 8.149.800 | 8.801.784 |
| | | 140 x 8,3mm | 889.300 | 960.444 | | | 355 x 21,1mm | 9.804.600 | 10.588.968 |
| | | 140 x 10,3mm | 1.107.500 | 1.196.100 | | | 355 x 26,1mm | 11.662.100 | 12.595.068 |
| | | 140 x 12,7mm | 1.336.400 | 1.443.312 | | | 355 x 32,2mm | 14.133.600 | 15.264.288 |
| | | 160 x 6,2mm | 818.000 | 883.440 | | | 400 x 15,3mm | 8.793.800 | 9.497.304 |
| | | 160 x 7,7mm | 992.100 | 1.071.468 | | | 400 x 19,1mm | 10.651.100 | 11.503.188 |
| | | 160 x 9,5mm | 1.183.500 | 1.278.180 | | | 400 x 23,7mm | 12.791.600 | 13.814.928 |
| | | 160 x 11,8mm | 1.484.600 | 1.603.368 | | | 400 x 29,4mm | 15.231.300 | 16.449.804 |
| | | 160 x 14,6mm | 1.803.800 | 1.948.104 | | | 400 x 36,3mm | 18.485.000 | 19.963.800 |
| | | 180 x 6,9mm | 1.060.100 | 1.144.908 | | | 450 x 17,2mm | 11.483.300 | 12.401.964 |
| | | 180 x 8,6mm | 1.278.400 | 1.380.672 | | | 450 x 21,5mm | 13.900.900 | 15.012.972 |
| | | 180 x 10,7mm | 1.534.900 | 1.657.692 | | | 450 x 26,7mm | 16.666.500 | 17.999.820 |
| | | 180 x 13,3mm | 1.935.000 | 2.089.800 | | | 450 x 33,1mm | 19.912.900 | 21.505.932 |
| | | 180 x 16,4mm | 2.353.600 | 2.541.888 | | | 450 x 40,9mm | 24.166.600 | 26.099.928 |
| | | 200 x 7,7mm | 1.327.500 | 1.433.700 | | | 500 x 19,1mm | 14.589.100 | 15.756.228 |
| | | 200 x 9,6mm | 1.612.100 | 1.741.068 | | | 500 x 23,9mm | 17.655.300 | 19.067.724 |
| | | 200 x 11,9mm | 1.922.400 | 2.076.192 | | | 500 x 29,7mm | 21.158.400 | 22.851.072 |
| | | 200 x 14,7mm | 2.941.100 | 3.176.388 | | | 500 x 36,8mm | 26.348.400 | 28.456.272 |
| | | 200 x 18,2mm | 3.577.300 | 3.863.484 | | | 500 x 45,4mm | 31.980.500 | 34.538.940 |
| | | 225 x 8,6mm | 1.734.000 | 1.872.720 | | | 560 x 21,4mm | 23.237.100 | 25.096.068 |
| | | 225 x 10,8mm | 2.083.800 | 2.250.504 | | | 560 x 26,7mm | 28.065.000 | 30.310.200 |
| | | 225 x 13,4mm | 2.512.400 | 2.713.392 | | | 560 x 33,2mm | 33.391.500 | 36.062.820 |
| | | 225 x 16,6mm | 3.830.800 | 4.137.264 | | | 560 x 41,2mm | 40.784.600 | 44.047.368 |
| | | 225 x 20,5mm | 4.647.100 | 5.018.868 | | | 560 x 50,8mm | 49.299.900 | 53.243.892 |
| | | 250 x 9,6mm | 2.183.400 | 2.358.072 | | | 630 x 24,1mm | 30.370.300 | 32.799.924 |
| | | 250 x 11,9mm | 2.640.600 | 2.851.848 | | | 630 x 30,0mm | 36.615.600 | 39.544.848 |
| | | 250 x 14,8mm | 3.161.300 | 3.414.204 | | | 630 x 37,4mm | 47.448.300 | 51.244.164 |
| | | 250 x 18,4mm | 4.313.900 | 4.659.012 | | | 630 x 46,3mm | 57.702.600 | 62.318.808 |
| | | 250 x 22,7mm | 5.223.800 | 5.641.704 | | | 630 x 57,2mm | 69.704.900 | 75.281.292 |
| | | 280 x 10,7mm | 2.817.900 | 3.043.332 | | | 710 x 27,2mm | 40.900.300 | 44.172.324 |
| | | 280 x 13,4mm | 3.404.900 | 3.677.292 | | | 710 x 33,9mm | 49.691.800 | 53.667.144 |
| | | 280 x 16,6mm | 4.075.600 | 4.401.648 | | | 710 x 42,1mm | 62.533.800 | 67.536.504 |
| | | 280 x 20,6mm | 5.549.500 | 5.993.460 | | | 800 x 30,6mm | 56.053.600 | 60.537.888 |
| | | 280 x 25,4mm | 6.726.800 | 7.264.944 | | | 800 x 38,1mm | 78.052.400 | 84.296.592 |
| | | 315 x 12,1mm | 3.672.100 | 3.965.868 | | | 800 x 47,4mm | 85.349.000 | 92.176.920 |
| | | 315 x 15,0mm | 4.434.800 | 4.789.584 | | | 900 x 42,9mm | 93.941.400 | 101.456.712 |
| | | 315 x 18,7mm | 5.336.600 | 5.763.528 | | | 900 x 53,3mm | 115.472.900 | 124.710.732 |
| | | 315 x 23,2mm | 8.250.800 | 8.910.864 | | | | | |
| | | 315 x 28,6mm | 9.987.900 | 10.786.932 | | | | | |

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Đỗ Xuân

ML *ZK*

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|--------------|------------------------------|----------------|--------------------|--------------|------------|------------------------------|--------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 4 | T 90° (90° Tee) | 1.000 x 47,7mm | 123.738.600 | 133.637.688 | 5 | T 60°, 45° (60°, 45° Tee) | 225 x 8,6mm | 1.682.800 | 1.817.424 |
| | | 1.000 x 59,3mm | 152.207.000 | 164.383.560 | | | 225 x 10,8mm | 2.088.000 | 2.255.040 |
| | | 1.200 x 57,2mm | 198.828.600 | 214.734.888 | | | 225 x 13,4mm | 2.564.900 | 2.770.092 |
| | | 1.200 x 67,9mm | 234.155.100 | 252.887.508 | | | 225 x 16,6mm | 3.128.300 | 3.378.564 |
| 5 | T 60°, 45° (60°, 45° Tee) | 90 x 4,3mm | 116.600 | 125.928 | 5 | T 60°, 45° (60°, 45° Tee) | 225 x 20,5mm | 3.797.100 | 4.100.868 |
| | | 90 x 5,4mm | 141.900 | 153.252 | | | 250 x 9,6mm | 2.282.500 | 2.465.100 |
| | | 90 x 6,7mm | 175.600 | 189.648 | | | 250 x 11,9mm | 2.798.300 | 3.022.164 |
| | | 90 x 8,2mm | 214.500 | 231.660 | | | 250 x 14,8mm | 3.441.900 | 3.717.252 |
| | | 90 x 10,1mm | 258.500 | 279.180 | | | 250 x 18,4mm | 4.222.600 | 4.560.408 |
| | | 110 x 4,2mm | 278.500 | 300.780 | | | 250 x 22,7mm | 5.116.000 | 5.525.280 |
| | | 110 x 5,3mm | 348.900 | 376.812 | | | 280 x 10,7mm | 2.971.500 | 3.209.220 |
| | | 110 x 6,6mm | 426.600 | 460.728 | | | 280 x 13,4mm | 3.688.000 | 3.983.040 |
| | | 110 x 8,1mm | 516.900 | 558.252 | | | 280 x 16,6mm | 4.513.600 | 4.874.688 |
| | | 110 x 10,0mm | 623.600 | 673.488 | | | 280 x 20,6mm | 5.523.800 | 5.965.704 |
| | | 125 x 4,8mm | 372.600 | 402.408 | | | 280 x 25,4mm | 6.698.300 | 7.234.164 |
| | | 125 x 6,0mm | 460.500 | 497.340 | | | 315 x 12,1mm | 4.427.000 | 4.781.160 |
| | | 125 x 7,4mm | 563.400 | 608.472 | | | 315 x 15,0mm | 5.420.900 | 5.854.572 |
| | | 125 x 9,2mm | 688.900 | 744.012 | | | 315 x 18,7mm | 6.685.800 | 7.220.664 |
| | | 125 x 11,4mm | 837.000 | 903.960 | | | 315 x 23,2mm | 8.186.400 | 8.841.312 |
| | | 140 x 5,4mm | 488.100 | 527.148 | | | 315 x 28,6mm | 9.914.500 | 10.707.660 |
| | | 140 x 6,7mm | 596.000 | 643.680 | | | 355 x 13,6mm | 6.446.000 | 6.961.680 |
| | | 140 x 8,3mm | 731.600 | 790.128 | | | 355 x 16,9mm | 7.928.000 | 8.562.240 |
| | | 140 x 10,3mm | 893.400 | 964.872 | | | 355 x 21,1mm | 9.802.600 | 10.586.808 |
| | | 140 x 12,7mm | 1.079.100 | 1.165.428 | | | 355 x 26,1mm | 11.954.600 | 12.910.968 |
| | | 160 x 6,2mm | 666.300 | 719.604 | | | 355 x 32,2mm | 14.495.900 | 15.655.572 |
| | | 160 x 7,7mm | 815.600 | 880.848 | | | 400 x 15,3mm | 8.561.600 | 9.246.528 |
| | | 160 x 9,5mm | 995.100 | 1.074.708 | | | 400 x 19,1mm | 10.591.900 | 11.439.252 |
| | | 160 x 11,8mm | 1.216.000 | 1.313.280 | | | 400 x 23,7mm | 12.981.100 | 14.019.588 |
| | | 160 x 14,6mm | 1.479.400 | 1.597.752 | | | 400 x 29,4mm | 15.891.000 | 17.162.280 |
| | | 180 x 6,9mm | 864.500 | 933.660 | | | 400 x 36,3mm | 19.294.100 | 20.837.628 |
| | | 180 x 8,6mm | 1.067.800 | 1.153.224 | | | 450 x 17,2mm | 11.361.300 | 12.270.204 |
| | | 180 x 10,7mm | 1.312.500 | 1.417.500 | | | 450 x 21,5mm | 14.060.400 | 15.185.232 |
| | | 180 x 13,3mm | 1.609.900 | 1.738.692 | | | 450 x 26,7mm | 17.265.100 | 18.646.308 |
| | | 180 x 16,4mm | 1.948.800 | 2.104.704 | | | 450 x 33,1mm | 21.135.100 | 22.825.908 |
| | | 200 x 7,7mm | 1.166.900 | 1.260.252 | | | 450 x 40,9mm | 25.659.900 | 27.712.692 |
| | | 200 x 9,6mm | 1.455.600 | 1.572.048 | | | 500 x 19,1mm | 14.676.500 | 15.850.620 |
| 200 x 11,9mm | 1.769.300 | 1.910.844 | 500 x 23,9mm | 18.167.400 | 19.620.792 | | | | |
| 200 x 14,7mm | 2.158.400 | 2.331.072 | 500 x 29,7mm | 22.344.800 | 24.132.384 | | | | |
| 200 x 18,2mm | 2.635.100 | 2.845.908 | 500 x 36,8mm | 27.320.000 | 29.505.600 | | | | |
| | | | | 500 x 45,4mm | 33.176.400 | 35.830.512 | | | |

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|----------------|---------------------------------|----------------|--------------------|-------------|--------------|---------------------------------|--------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 5 | T 60°, 45° (60°, 45° Tee) | 560 x 21,4mm | 20.850.300 | 22.518.324 | 6 | Y 60°, 45° (60°, 45° Wye) | 140 x 10,3mm | 829.400 | 895.752 |
| | | 560 x 26,7mm | 25.770.400 | 27.832.032 | | | 140 x 12,7mm | 1.007.600 | 1.088.208 |
| | | 560 x 33,2mm | 31.724.500 | 34.262.460 | | | 160 x 6,2mm | 613.600 | 662.688 |
| | | 560 x 41,2mm | 38.845.600 | 41.953.248 | | | 160 x 7,7mm | 737.900 | 796.932 |
| | | 560 x 50,8mm | 47.098.600 | 50.866.488 | | | 160 x 9,5mm | 921.000 | 994.680 |
| | | 630 x 24,1mm | 27.888.400 | 30.119.472 | | | 160 x 11,8mm | 1.129.400 | 1.219.752 |
| | | 630 x 30,0mm | 34.368.400 | 37.117.872 | | | 160 x 14,6mm | 1.384.000 | 1.494.720 |
| | | 630 x 37,4mm | 42.428.100 | 45.822.348 | | | 180 x 6,9mm | 771.800 | 833.544 |
| | | 630 x 46,3mm | 51.855.800 | 56.004.264 | | | 180 x 8,6mm | 977.500 | 1.055.700 |
| | | 630 x 57,2mm | 63.045.000 | 68.088.600 | | | 180 x 10,7mm | 1.203.400 | 1.299.672 |
| | | 710 x 27,2mm | 50.306.000 | 54.330.480 | | | 180 x 13,3mm | 1.483.100 | 1.601.748 |
| | | 710 x 33,9mm | 62.176.600 | 67.150.728 | | | 180 x 16,4mm | 1.820.900 | 1.966.572 |
| | | 710 x 42,1mm | 76.406.400 | 82.518.912 | | | 200 x 7,7mm | 1.238.600 | 1.337.688 |
| | | 800 x 30,6mm | 68.751.800 | 74.251.944 | | | 200 x 9,6mm | 1.529.600 | 1.651.968 |
| | | 800 x 38,1mm | 84.901.500 | 91.693.620 | | | 200 x 11,9mm | 1.869.800 | 2.019.384 |
| | | 800 x 47,4mm | 104.514.400 | 112.875.552 | | | 200 x 14,7mm | 2.277.500 | 2.459.700 |
| | | 900 x 42,9mm | 115.694.800 | 124.950.384 | | | 200 x 18,2mm | 2.773.300 | 2.995.164 |
| | | 900 x 53,3mm | 142.272.000 | 153.653.760 | | | 225 x 8,6mm | 1.617.500 | 1.746.900 |
| | | 1.000 x 47,7mm | 153.025.900 | 165.267.972 | | | 225 x 10,8mm | 2.007.800 | 2.168.424 |
| | | 1.000 x 59,3mm | 188.286.500 | 203.349.420 | | | 225 x 13,4mm | 2.465.800 | 2.663.064 |
| | | 1.200 x 57,2mm | 247.702.500 | 267.518.700 | | | 225 x 16,6mm | 3.007.900 | 3.248.532 |
| 1.200 x 67,9mm | 291.746.900 | 315.086.652 | 225 x 20,5mm | 3.650.300 | 3.942.324 | | | | |
| 6 | Y 60°, 45° (60°, 45° Wye) | 90 x 4,3mm | 158.100 | 170.748 | 250 x 9,6mm | 2.277.500 | 2.459.700 | | |
| | | 90 x 5,4mm | 193.300 | 208.764 | 250 x 11,9mm | 2.793.300 | 3.016.764 | | |
| | | 90 x 6,7mm | 237.100 | 256.068 | 250 x 14,8mm | 3.434.500 | 3.709.260 | | |
| | | 90 x 8,2mm | 288.600 | 311.688 | 250 x 18,4mm | 4.212.500 | 4.549.500 | | |
| | | 90 x 10,1mm | 348.900 | 376.812 | 250 x 22,7mm | 5.104.600 | 5.512.968 | | |
| | | 110 x 4,2mm | 258.500 | 279.180 | 280 x 10,7mm | 2.956.400 | 3.192.912 | | |
| | | 110 x 5,3mm | 321.300 | 347.004 | 280 x 13,4mm | 3.669.100 | 3.962.628 | | |
| | | 110 x 6,6mm | 381.400 | 411.912 | 280 x 16,6mm | 4.492.400 | 4.851.792 | | |
| | | 110 x 8,1mm | 468.000 | 505.440 | 280 x 20,6mm | 5.495.000 | 5.934.600 | | |
| | | 110 x 10,0mm | 578.500 | 624.780 | 280 x 25,4mm | 6.663.100 | 7.196.148 | | |
| | | 125 x 4,8mm | 340.100 | 367.308 | 315 x 12,1mm | 4.390.600 | 4.741.848 | | |
| | | 125 x 6,0mm | 425.400 | 459.432 | 315 x 15,0mm | 5.374.400 | 5.804.352 | | |
| | | 125 x 7,4mm | 516.900 | 558.252 | 315 x 18,7mm | 6.629.300 | 7.159.644 | | |
| | | 125 x 9,2mm | 636.300 | 687.204 | 315 x 23,2mm | 8.116.300 | 8.765.604 | | |
| | | 125 x 11,4mm | 770.400 | 832.032 | 315 x 28,6mm | 9.827.900 | 10.614.132 | | |
| | | 140 x 5,4mm | 435.500 | 470.340 | 355 x 13,6mm | 6.195.100 | 6.690.708 | | |
| | | 140 x 6,7mm | 545.900 | 589.572 | 355 x 16,9mm | 7.619.300 | 8.228.844 | | |
| | | 140 x 8,3mm | 673.900 | 727.812 | 355 x 21,1mm | 9.420.000 | 10.173.600 | | |

Đỗ Văn

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

u *z*

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|----------------|---------------------------------|--------------|--------------------|-------------|------------|-----------------------------|--------------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 6 | Y 60°, 45° (60°, 45° Wye) | 355 x 26,1mm | 11.489.300 | 12.408.444 | 7 | T giảm (Reducing Tee) | 315 x 63 x 12,1mm | 2.643.900 | 2.855.412 |
| | | 355 x 32,2mm | 13.929.900 | 15.044.292 | | | 315 x 63 x 15,0mm | 3.239.900 | 3.499.092 |
| | | 400 x 15,3mm | 8.205.300 | 8.861.724 | | | 315 x 63 x 18,7mm | 3.991.600 | 4.310.928 |
| | | 400 x 19,1mm | 10.150.300 | 10.962.324 | | | 315 x 63 x 23,2mm | 4.876.300 | 5.266.404 |
| | | 400 x 23,7mm | 12.439.000 | 13.434.120 | | | 315 x 63 x 28,6mm | 5.898.900 | 6.370.812 |
| | | 400 x 29,4mm | 15.227.300 | 16.445.484 | | | 315 x 90 x 12,1mm | 2.764.500 | 2.985.660 |
| | | 400 x 36,3mm | 18.487.300 | 19.966.284 | | | 315 x 90 x 15,0mm | 3.374.100 | 3.644.028 |
| | | 450 x 17,2mm | 10.859.300 | 11.728.044 | | | 315 x 90 x 18,7mm | 4.157.300 | 4.489.884 |
| | | 450 x 21,5mm | 13.438.000 | 14.513.040 | | | 315 x 90 x 23,2mm | 5.077.000 | 5.483.160 |
| | | 450 x 26,7mm | 16.500.900 | 17.820.972 | | | 315 x 90 x 28,6mm | 6.145.000 | 6.636.600 |
| | | 450 x 33,1mm | 20.198.900 | 21.814.812 | | | 315 x 110 x 12,1mm | 2.848.500 | 3.076.380 |
| | | 450 x 40,9mm | 24.524.400 | 26.486.352 | | | 315 x 110 x 15,0mm | 3.451.500 | 3.727.620 |
| | | 500 x 19,1mm | 14.449.400 | 15.605.352 | | | 315 x 110 x 18,7mm | 4.291.500 | 4.634.820 |
| | | 500 x 23,9mm | 17.885.100 | 19.315.908 | | | 315 x 110 x 23,2mm | 5.240.100 | 5.659.308 |
| | | 500 x 29,7mm | 21.997.100 | 23.756.868 | | | 315 x 110 x 28,6mm | 6.340.600 | 6.847.848 |
| | | 500 x 36,8mm | 26.893.400 | 29.044.872 | | | 355 x 63 x 13,6mm | 3.351.600 | 3.619.728 |
| | | 500 x 45,4mm | 32.654.400 | 35.266.752 | | | 355 x 63 x 16,9mm | 4.104.600 | 4.432.968 |
| | | 560 x 21,4mm | 19.870.100 | 21.459.708 | | | 355 x 63 x 21,1mm | 5.062.000 | 5.466.960 |
| | | 560 x 26,7mm | 24.558.100 | 26.522.748 | | | 355 x 63 x 26,1mm | 6.167.500 | 6.660.900 |
| | | 560 x 33,2mm | 30.232.500 | 32.651.100 | | | 355 x 63 x 32,2mm | 7.467.500 | 8.064.900 |
| | | 560 x 41,2mm | 37.021.100 | 39.982.788 | | | 355 x 90 x 13,6mm | 3.473.300 | 3.751.164 |
| | | 560 x 50,8mm | 44.887.500 | 48.478.500 | | | 355 x 90 x 16,9mm | 4.224.600 | 4.562.568 |
| | | 630 x 24,1mm | 26.511.900 | 28.632.852 | | | 355 x 90 x 21,1mm | 5.260.300 | 5.681.124 |
| | | 630 x 30,0mm | 32.671.900 | 35.285.652 | | | 355 x 90 x 26,1mm | 6.408.400 | 6.921.072 |
| | | 630 x 37,4mm | 40.336.400 | 43.563.312 | | | 355 x 90 x 32,2mm | 7.758.600 | 8.379.288 |
| | | 630 x 46,3mm | 49.300.900 | 53.244.972 | | | 355 x 110 x 13,6mm | 3.582.500 | 3.869.100 |
| | | 630 x 57,2mm | 59.939.300 | 64.734.444 | | | 355 x 110 x 16,9mm | 4.393.300 | 4.744.764 |
| | | 710 x 27,2mm | 52.928.500 | 57.162.780 | | | 355 x 110 x 21,1mm | 5.417.100 | 5.850.468 |
| | | 710 x 33,9mm | 65.401.500 | 70.633.620 | | | 355 x 110 x 26,1mm | 6.611.600 | 7.140.528 |
| | | 710 x 42,1mm | 80.409.300 | 86.842.044 | | | 355 x 110 x 32,2mm | 7.991.900 | 8.631.252 |
| | | 800 x 30,6mm | 72.679.400 | 78.493.752 | | | 355 x 160 x 13,6mm | 3.877.400 | 4.187.592 |
| | | 800 x 38,1mm | 89.757.800 | 96.938.424 | | | 355 x 160 x 16,9mm | 4.700.600 | 5.076.648 |
| | | 800 x 47,4mm | 110.525.000 | 119.367.000 | | | 355 x 160 x 21,1mm | 5.847.600 | 6.315.408 |
| 900 x 42,9mm | 122.470.900 | 132.268.572 | 355 x 160 x 26,1mm | 7.126.100 | 7.696.188 | | | | |
| 900 x 53,3mm | 150.616.800 | 162.666.144 | 355 x 160 x 32,2mm | 8.630.800 | 9.321.264 | | | | |
| 1.000 x 47,7mm | 162.324.100 | 175.310.028 | 400 x 160 x 15,3mm | 4.609.000 | 4.977.720 | | | | |
| 1.000 x 59,3mm | 199.755.600 | 215.736.048 | 400 x 160 x 19,1mm | 5.632.900 | 6.083.532 | | | | |
| 1.200 x 57,2mm | 263.764.100 | 284.865.228 | 400 x 160 x 23,7mm | 6.902.900 | 7.455.132 | | | | |
| 1.200 x 67,9mm | 310.694.600 | 335.550.168 | 400 x 160 x 29,4mm | 8.432.500 | 9.107.100 | | | | |
| | | | 400 x 160 x 36,3mm | 10.220.600 | 11.038.248 | | | | |

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Đo Y...
ll *ll*

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|-----|-----------------------------|--------------------|--------------------|------------|-----|-----------------------------|--------------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 7 | T giảm (Reducing Tee) | 400 x 200 x 15,3mm | 4.823.500 | 5.209.380 | 7 | T giảm (Reducing Tee) | 560 x 200 x 21,4mm | 9.154.000 | 9.886.320 |
| | | 400 x 200 x 19,1mm | 5.996.800 | 6.476.544 | | | 560 x 200 x 26,7mm | 11.156.600 | 12.049.128 |
| | | 400 x 200 x 23,7mm | 7.350.800 | 7.938.864 | | | 560 x 200 x 33,2mm | 13.835.800 | 14.942.664 |
| | | 400 x 200 x 29,4mm | 8.977.000 | 9.695.160 | | | 560 x 200 x 41,2mm | 16.905.000 | 18.257.400 |
| | | 400 x 200 x 36,3mm | 10.880.500 | 11.750.940 | | | 560 x 200 x 50,8mm | 20.462.500 | 22.099.500 |
| | | 450 x 160 x 17,2mm | 5.734.600 | 6.193.368 | | | 560 x 225 x 21,4mm | 9.467.600 | 10.225.008 |
| | | 450 x 160 x 21,5mm | 7.002.500 | 7.562.700 | | | 560 x 225 x 26,7mm | 11.644.800 | 12.576.384 |
| | | 450 x 160 x 26,7mm | 8.669.500 | 9.363.060 | | | 560 x 225 x 33,2mm | 14.302.500 | 15.446.700 |
| | | 450 x 160 x 33,1mm | 10.584.500 | 11.431.260 | | | 560 x 225 x 41,2mm | 17.477.300 | 18.875.484 |
| | | 450 x 160 x 40,9mm | 12.835.500 | 13.862.340 | | | 560 x 225 x 50,8mm | 21.152.600 | 22.844.808 |
| | | 450 x 200 x 17,2mm | 6.091.000 | 6.578.280 | | | 560 x 250 x 21,4mm | 9.795.100 | 10.578.708 |
| | | 450 x 200 x 21,5mm | 7.422.600 | 8.016.408 | | | 560 x 250 x 26,7mm | 11.917.300 | 12.870.684 |
| | | 450 x 200 x 26,7mm | 9.192.800 | 9.928.224 | | | 560 x 250 x 33,2mm | 14.778.100 | 15.960.348 |
| | | 450 x 200 x 33,1mm | 11.220.600 | 12.118.248 | | | 560 x 250 x 41,2mm | 18.064.500 | 19.509.660 |
| | | 450 x 200 x 40,9mm | 13.607.300 | 14.695.884 | | | 560 x 250 x 50,8mm | 21.862.800 | 23.611.824 |
| | | 450 x 225 x 17,2mm | 6.215.100 | 6.712.308 | | | 630 x 200 x 24,1mm | 11.507.900 | 12.428.532 |
| | | 450 x 225 x 21,5mm | 7.775.000 | 8.397.000 | | | 630 x 200 x 30,0mm | 14.141.900 | 15.273.252 |
| | | 450 x 225 x 26,7mm | 9.536.600 | 10.299.528 | | | 630 x 200 x 37,4mm | 17.409.500 | 18.802.260 |
| | | 450 x 225 x 33,1mm | 11.643.500 | 12.574.980 | | | 630 x 200 x 46,3mm | 21.226.600 | 22.924.728 |
| | | 450 x 225 x 40,9mm | 14.118.000 | 15.247.440 | | | 630 x 200 x 57,2mm | 25.736.400 | 27.795.312 |
| | | 500 x 160 x 19,1mm | 6.591.600 | 7.118.928 | | | 630 x 225 x 24,1mm | 11.882.000 | 12.832.560 |
| | | 500 x 160 x 23,9mm | 8.056.300 | 8.700.804 | | | 630 x 225 x 30,0mm | 14.455.000 | 15.611.400 |
| | | 500 x 160 x 29,7mm | 9.979.600 | 10.777.968 | | | 630 x 225 x 37,4mm | 17.969.100 | 19.406.628 |
| | | 500 x 160 x 36,8mm | 12.190.600 | 13.165.848 | | | 630 x 225 x 46,3mm | 21.910.500 | 23.663.340 |
| | | 500 x 160 x 45,4mm | 14.765.600 | 15.946.848 | | | 630 x 225 x 57,2mm | 26.563.400 | 28.688.472 |
| | | 500 x 200 x 19,1mm | 7.002.000 | 7.562.160 | | | 630 x 250 x 24,1mm | 12.393.900 | 13.385.412 |
| | | 500 x 200 x 23,9mm | 8.550.000 | 9.234.000 | | | 630 x 250 x 30,0mm | 15.056.600 | 16.261.128 |
| | | 500 x 200 x 29,7mm | 10.585.800 | 11.432.664 | | | 630 x 250 x 37,4mm | 18.536.300 | 20.019.204 |
| | | 500 x 200 x 36,8mm | 12.918.400 | 13.951.872 | | | 630 x 250 x 46,3mm | 22.608.100 | 24.416.748 |
| | | 500 x 200 x 45,4mm | 15.648.900 | 16.900.812 | | | 630 x 250 x 57,2mm | 27.409.300 | 29.602.044 |
| | | 500 x 225 x 19,1mm | 7.160.100 | 7.732.908 | | | 630 x 315 x 24,1mm | 13.208.400 | 14.265.072 |
| | | 500 x 225 x 23,9mm | 8.953.100 | 9.669.348 | | | 630 x 315 x 30,0mm | 16.427.000 | 17.741.160 |
| | | 500 x 225 x 29,7mm | 10.989.800 | 11.868.984 | | | 630 x 315 x 37,4mm | 20.226.500 | 21.844.620 |
| | | 500 x 225 x 36,8mm | 13.410.400 | 14.483.232 | | | 630 x 315 x 46,3mm | 24.667.400 | 26.640.792 |
| | | 500 x 225 x 45,4mm | 16.237.500 | 17.536.500 | | | 630 x 315 x 57,2mm | 29.901.300 | 32.293.404 |
| | | 560 x 160 x 21,4mm | 8.668.400 | 9.361.872 | | | 710 x 250 x 27,2mm | 28.640.100 | 30.931.308 |
| | | 560 x 160 x 26,7mm | 10.578.600 | 11.424.888 | | | 710 x 250 x 33,9mm | 34.943.600 | 37.739.088 |
| | | 560 x 160 x 33,2mm | 13.116.600 | 14.165.928 | | | 710 x 250 x 42,1mm | 43.279.000 | 46.741.320 |
| | | 560 x 160 x 41,2mm | 16.030.500 | 17.312.940 | | | 710 x 280 x 27,2mm | 29.459.500 | 31.816.260 |
| | | 560 x 160 x 50,8mm | 19.402.100 | 20.954.268 | | | 710 x 280 x 33,9mm | 35.963.400 | 38.840.472 |

Đu Yum

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

ml

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|------------------|-----------------------------|--------------------|--------------------|-------------|--------------|---------------------|--------------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 7 | T giảm (Reducing Tee) | 710 x 315 x 27,2mm | 29.996.500 | 32.396.220 | 8 | Tứ thông (Cross) | 140 x 5,4mm | 492.500 | 531.900 |
| | | 710 x 315 x 33,9mm | 36.551.000 | 39.475.080 | | | 140 x 6,7mm | 606.600 | 655.128 |
| | | 710 x 315 x 42,1mm | 45.272.900 | 48.894.732 | | | 140 x 8,3mm | 746.800 | 806.544 |
| | | 710 x 355 x 27,2mm | 30.696.800 | 33.152.544 | | | 140 x 10,3mm | 912.600 | 985.608 |
| | | 710 x 355 x 33,9mm | 38.124.100 | 41.174.028 | | | 140 x 12,7mm | 1.107.100 | 1.195.668 |
| | | 800 x 280 x 47,4mm | 38.707.600 | 41.804.208 | | | 160 x 6,2mm | 663.600 | 716.688 |
| | | 800 x 315 x 30,6mm | 39.902.300 | 43.094.484 | | | 160 x 7,7mm | 808.900 | 873.612 |
| | | 800 x 315 x 38,1mm | 48.748.800 | 52.648.704 | | | 160 x 9,5mm | 993.000 | 1.072.440 |
| | | 800 x 315 x 47,4mm | 59.909.000 | 64.701.720 | | | 160 x 11,8mm | 1.216.000 | 1.313.280 |
| | | 800 x 400 x 30,6mm | 41.495.900 | 44.815.572 | | | 160 x 14,6mm | 1.402.500 | 1.514.700 |
| | | 800 x 400 x 38,1mm | 51.614.800 | 55.743.984 | | | 180 x 6,9mm | 847.800 | 915.624 |
| | | 800 x 400 x 47,4mm | 63.425.000 | 68.499.000 | | | 180 x 8,6mm | 1.164.100 | 1.257.228 |
| | | 900 x 315 x 42,9mm | 64.373.800 | 69.523.704 | | | 180 x 10,7mm | 1.426.000 | 1.540.080 |
| | | 900 x 315 x 53,3mm | 79.011.300 | 85.332.204 | | | 180 x 13,3mm | 1.734.500 | 1.873.260 |
| | | 900 x 400 x 42,9mm | 67.758.100 | 73.178.748 | | | 180 x 16,4mm | 2.110.400 | 2.279.232 |
| | | 900 x 400 x 53,3mm | 83.161.000 | 89.813.880 | | | 200 x 7,7mm | 1.324.900 | 1.430.892 |
| | | 1.000x315x47,7mm | 82.082.900 | 88.649.532 | | | 200 x 9,6mm | 1.635.900 | 1.766.772 |
| | | 1.000x315x59,3mm | 101.763.900 | 109.905.012 | | | 200 x 11,9mm | 2.004.100 | 2.164.428 |
| | | 1.000x400x47,7mm | 86.011.100 | 92.891.988 | | | 200 x 14,7mm | 2.442.300 | 2.637.684 |
| | | 1.000x400x59,3mm | 106.627.500 | 115.157.700 | | | 200 x 18,2mm | 2.979.000 | 3.217.320 |
| | | 1.200x400x57,2mm | 132.108.300 | 142.676.964 | | | 225 x 8,6mm | 1.712.400 | 1.849.392 |
| 1.200x400x67,9mm | 156.937.100 | 169.492.068 | 225 x 10,8mm | 2.121.900 | 2.291.652 | | | | |
| 1.200x450x57,2mm | 136.468.500 | 147.385.980 | 225 x 13,4mm | 2.608.100 | 2.816.748 | | | | |
| 1.200x450x67,9mm | 160.607.500 | 173.456.100 | 225 x 16,6mm | 3.179.000 | 3.433.320 | | | | |
| 8 | Tứ thông (Cross) | 90 x 4,3mm | 186.800 | 201.744 | 225 x 20,5mm | 3.858.100 | 4.166.748 | | |
| | | 90 x 5,4mm | 225.500 | 243.540 | 250 x 9,6mm | 2.574.500 | 2.780.460 | | |
| | | 90 x 6,7mm | 280.000 | 302.400 | 250 x 11,9mm | 2.997.000 | 3.236.760 | | |
| | | 90 x 8,2mm | 339.600 | 366.768 | 250 x 14,8mm | 3.751.500 | 4.051.620 | | |
| | | 90 x 10,1mm | 409.600 | 442.368 | 250 x 18,4mm | 4.601.900 | 4.970.052 | | |
| | | 110 x 4,2mm | 295.600 | 319.248 | 250 x 22,7mm | 5.727.100 | 6.185.268 | | |
| | | 110 x 5,3mm | 370.900 | 400.572 | 280 x 10,7mm | 3.220.100 | 3.477.708 | | |
| | | 110 x 6,6mm | 451.100 | 487.188 | 280 x 13,4mm | 3.956.400 | 4.272.912 | | |
| | | 110 x 8,1mm | 549.600 | 593.568 | 280 x 16,6mm | 4.959.600 | 5.356.368 | | |
| | | 110 x 10,0mm | 661.000 | 713.880 | 280 x 20,6mm | 5.952.800 | 6.429.024 | | |
| | | 125 x 4,8mm | 352.600 | 380.808 | 280 x 25,4mm | 7.233.400 | 7.812.072 | | |
| | | 125 x 6,0mm | 479.800 | 518.184 | 315 x 12,1mm | 4.946.600 | 5.342.328 | | |
| | | 125 x 7,4mm | 583.400 | 630.072 | 315 x 15,0mm | 6.043.400 | 6.526.872 | | |
| | | 125 x 9,2mm | 715.500 | 772.740 | 315 x 18,7mm | 7.503.000 | 8.103.240 | | |
| | | 125 x 11,4mm | 868.600 | 938.088 | 315 x 23,2mm | 9.095.000 | 9.822.600 | | |

Đo Yem

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|-----|---------------------|--------------|--------------------|-------------|-------------|---------------------|----------------|--------------------|-------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 8 | Tứ thông (Cross) | 315 x 28,6mm | 10.922.800 | 11.796.624 | 8 | Tứ thông (Cross) | 560 x 21,4mm | 17.904.600 | 19.336.968 |
| | | 355 x 13,6mm | 6.455.600 | 6.972.048 | | | 560 x 26,7mm | 22.125.400 | 23.895.432 |
| | | 355 x 16,9mm | 7.946.400 | 8.582.112 | | | 560 x 33,2mm | 27.225.100 | 29.403.108 |
| | | 355 x 21,1mm | 9.831.300 | 10.617.804 | | | 560 x 41,2mm | 33.315.100 | 35.980.308 |
| | | 355 x 26,1mm | 12.003.900 | 12.964.212 | | | 560 x 50,8mm | 41.248.500 | 44.548.380 |
| | | 355 x 32,2mm | 14.573.100 | 15.738.948 | | | 630 x 24,1mm | 21.415.100 | 23.128.308 |
| | | 400 x 15,3mm | 8.356.100 | 9.024.588 | | | 630 x 30,0mm | 26.340.900 | 28.448.172 |
| | | 400 x 19,1mm | 10.344.600 | 11.172.168 | | | 630 x 37,4mm | 32.438.800 | 35.033.904 |
| | | 400 x 23,7mm | 12.688.400 | 13.703.472 | | | 630 x 46,3mm | 39.521.800 | 42.683.544 |
| | | 400 x 29,4mm | 15.542.800 | 16.786.224 | | | 630 x 57,2mm | 47.499.300 | 51.299.244 |
| | | 400 x 36,3mm | 18.915.600 | 20.428.848 | | | 710 x 27,2mm | 56.920.900 | 61.474.572 |
| | | 450 x 17,2mm | 10.800.900 | 11.664.972 | | | 710 x 33,9mm | 70.402.500 | 76.034.700 |
| | | 450 x 21,5mm | 13.383.000 | 14.453.640 | | | 710 x 42,1mm | 93.580.400 | 101.066.832 |
| | | 450 x 26,7mm | 16.450.300 | 17.766.324 | | | 800 x 30,6mm | 77.156.100 | 83.328.588 |
| | | 450 x 33,1mm | 20.170.500 | 21.784.140 | | | 800 x 38,1mm | 95.343.300 | 102.970.764 |
| | | 450 x 40,9mm | 24.531.400 | 26.493.912 | | | 800 x 47,4mm | 117.484.300 | 126.883.044 |
| | | 500 x 19,1mm | 15.011.300 | 16.212.204 | | | 900 x 42,9mm | 128.839.900 | 139.147.092 |
| | | 500 x 23,9mm | 18.034.300 | 19.477.044 | | | 900 x 53,3mm | 158.590.300 | 171.277.524 |
| | | 500 x 29,7mm | 22.400.100 | 24.192.108 | | | 1.000 x 47,7mm | 169.142.300 | 182.673.684 |
| | | 500 x 36,8mm | 27.440.300 | 29.635.524 | | | 1.000 x 59,3mm | 208.329.500 | 224.995.860 |
| | | 500 x 45,4mm | 32.345.500 | 34.933.140 | | | 1.200 x 57,2mm | 169.142.300 | 182.673.684 |
| | | | 1.200 x 67,9mm | 208.329.500 | 224.995.860 | | | | |

Ghi chú: * Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.




**BẢNG GIÁ ỚNG VÀ PHỤ TÙNG
 PE GÂN THÀNH ĐÔI
 ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI**

**Ớng PE gân thành đôi theo tiêu chuẩn
 EN 13476-3:2007 + A1:2009
 phù hợp QCVN 16-4:2011/BXD và tiêu chuẩn DIN 4262-1:2001**

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/mét) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|---|----------|--------------------|------------|-----|--|----------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ớng PE gân thành đôi (PE double-Wall Corrugated pipes) (Loại không xẻ rãnh) | 110 | 67.500 | 72.900 | 2 | Ớng PE gân thành đôi (Perforated PE double-Wall Corrugated pipes) (Loại xẻ rãnh - Perforated (LP/ MP/ TP)) | 110 | 84.500 | 91.260 |
| | | 160 | 147.100 | 158.868 | | | 160 | 182.900 | 197.532 |
| | | 250 | 378.600 | 408.888 | | | 250 | 470.800 | 508.464 |
| | | 315 | 567.800 | 613.224 | | | 315 | 705.900 | 762.372 |
| | | 500 | 1.124.900 | 1.214.892 | | | 500 | 1.406.200 | 1.518.696 |

Phụ tùng ớng PE gân thành đôi

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng/cái) | |
|-----|---|-----------|--------------------|------------|-----|---|----------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Nối gân (Plain socket for corrugated pipe) | 110 TC | 25.800 | 27.864 | 4 | Co gân (90° Elbow for corrugated pipe) | 110 TC | 166.100 | 179.388 |
| | | 160 TC | 78.900 | 85.212 | | | 160 | 74.600 | 80.568 |
| | | 250 TC | 257.700 | 278.316 | | | 250 | 245.000 | 264.600 |
| | | 315 TC | 499.400 | 539.352 | | | 315 | 524.400 | 566.352 |
| 2 | Nối giảm gân (Reducing socket for corrugated pipe) | 250 x 160 | 87.400 | 94.392 | 5 | T gân (Tee for corrugated pipe) | 110 TC | 156.700 | 169.236 |
| | | 315 x 160 | 174.800 | 188.784 | | | 160 | 88.000 | 95.040 |
| | | 315 x 250 | 210.300 | 227.124 | | | 250 | 296.700 | 320.436 |
| | | | 315 | 690.000 | | | 745.200 | | |
| 3 | Co 45° gân (45° Elbow for corrugated pipe) | 110 TC | 97.800 | 105.624 | 6 | Y gân (Y for corrugated pipe) | 110 TC | 166.900 | 180.252 |
| | | 160 | 62.400 | 67.392 | | | | | |
| | | 250 | 164.500 | 177.660 | | | | | |
| | | 315 | 419.800 | 453.384 | | | | | |

Đỗ Xuân




CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
 240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
 Website: www.binhminhplastic.com.vn



Từ năm 1997



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
 D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869

BẢNG GIÁ GIOĂNG CAO SU CÁC LOẠI
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

| STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng) | | STT | Sản Phẩm | | Đơn giá (đồng) | | | | | | | |
|-----|--|------------|--|------------|--|------------|---|----------------|--|----------|--|-------|-------|--------|--------|
| | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | Chưa thuế | Thanh toán | | | | | | |
| 1 | Gioăng ống nhựa PVC-U (Rubber seals for PVC-U pipes) | 63 | Cái | 11.400 | 12.312 | 2 | Gioăng ống nhựa gân thành đôi PE (Rubber seals for PE Double-Wall Corrugated pipes) | 110 | Cái | 9.200 | 9.936 | | | | |
| | | 90 (m) | - | 17.000 | 18.360 | | | 160 | - | 18.700 | 20.196 | | | | |
| | | 100 (CIOD) | - | 27.600 | 29.808 | | | 250 | - | 52.200 | 56.376 | | | | |
| | | 110 | - | 22.700 | 24.516 | | | 315 | - | 77.100 | 83.268 | | | | |
| | | 114 | - | 23.700 | 25.596 | | | 500 | - | 389.500 | 420.660 | | | | |
| | | 125 | - | 24.800 | 26.784 | | | | | | | | | | |
| | | 3 | Gioăng ống nhựa PVC-U (Rubber seals for PVC-U pipes) | 140 | - | 30.400 | 32.832 | 3 | Gioăng khối thủy PVC-U (Rubber seals for PVC-U saddle) | 110 x 49 | Cái | 2.600 | 2.808 | | |
| | | | | 150 (CIOD) | - | 55.200 | 59.616 | | | 114 x 49 | - | 2.600 | 2.808 | | |
| | | | | 160 | - | 36.300 | 39.204 | | | 160 x 60 | - | 2.600 | 2.808 | | |
| | | | | 168 | - | 45.500 | 49.140 | | | 168 x 60 | - | 2.900 | 3.132 | | |
| | | | | 180 | - | 47.200 | 50.976 | | | 220 x 60 | - | 2.900 | 3.132 | | |
| | | | | 4 | Gioăng ống nhựa PVC-U (Rubber seals for PVC-U pipes) | 200 (m) | - | 57.600 | 62.208 | 4 | Gioăng bích đơn PVC-U (Rubber seals for PVC-U single flange) | 49 | Cái | 16.400 | 17.712 |
| | | | | | | 200 (CIOD) | - | 73.400 | 79.272 | | | 60 | - | 19.600 | 21.168 |
| | | | | | | 220 | - | 59.300 | 64.044 | | | 90 | - | 27.300 | 29.484 |
| | | | | | | 225 | - | 66.700 | 72.036 | | | 114 | - | 27.400 | 29.592 |
| | | | | | | 250 | - | 88.600 | 95.688 | | | | | | |
| 5 | Gioăng ống nhựa PVC-U (Rubber seals for PVC-U pipes) | 280 | - | 113.000 | 122.040 | 5 | Gioăng bích kép PVC-U (Rubber seals for PVC-U double flange) | 114 | Cái | 26.300 | 28.404 | | | | |
| | | 315 | - | 131.200 | 141.696 | | | 168 | - | 34.800 | 37.584 | | | | |
| | | 355 | - | 175.600 | 189.648 | | | 220 | - | 46.000 | 49.680 | | | | |
| | | 400 | - | 248.300 | 268.164 | | | | | | | | | | |
| 6 | Gioăng ống nhựa PVC-U (Rubber seals for PVC-U pipes) | 450 | - | 333.600 | 360.288 | 6 | Gioăng T kiểm tra mặt sau (Rubber seals for rear checking junction of Tee) | 90 | Cái | 3.200 | 3.456 | | | | |
| | | 500 | - | 436.400 | 471.312 | | | 114 | - | 3.900 | 4.212 | | | | |
| | | 560 | - | 558.700 | 603.396 | | | | | | | | | | |
| | | 630 | - | 710.200 | 767.016 | | | | | | | | | | |

Ghi chú: (m): hệ mét
 (CIOD): hệ CIOD

Đỗ Thành
M



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
 240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
 Website: www.binhminhplastic.com.vn



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
 D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA PP-R
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI



Ống nhựa PP-R theo tiêu chuẩn
DIN 8077:2009-09 & DIN 8078:2008-09

| STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | | STT | Sản Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/mét) | |
|-----|----------|-------------|----------|--------------------|------------|-----|----------|--------------|----------|--------------------|------------|
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 1 | Ø 20 | 20 x 1,9mm | 10 | 31.100 | 33.588 | 8 | Ø 90 | 90 x 8,2mm | 10 | 476.100 | 514.188 |
| | | 20 x 3,4mm | 20 | 39.900 | 43.092 | | | 90 x 15mm | 20 | 812.000 | 876.960 |
| 2 | Ø 25 | 25 x 2,3mm | 10 | 53.300 | 57.564 | 9 | Ø 110 | 110 x 10mm | 10 | 761.300 | 822.204 |
| | | 25 x 4,2mm | 20 | 70.700 | 76.356 | | | 110 x 18,3mm | 20 | 1.202.200 | 1.298.376 |
| 3 | Ø 32 | 32 x 2,9mm | 10 | 74.900 | 80.892 | 10 | Ø 125 | 125 x 11,4mm | 10 | 942.600 | 1.018.008 |
| | | 32 x 5,4mm | 20 | 103.400 | 111.672 | | | 125 x 20,8mm | 20 | 1.550.400 | 1.674.432 |
| 4 | Ø 40 | 40 x 3,7mm | 10 | 100.500 | 108.540 | 11 | Ø 140 | 140 x 12,7mm | 10 | 1.163.800 | 1.256.904 |
| | | 40 x 6,7mm | 20 | 160.200 | 173.016 | | | 140 x 23,3mm | 20 | 1.955.500 | 2.111.940 |
| 5 | Ø 50 | 50 x 4,6mm | 10 | 147.300 | 159.084 | 12 | Ø 160 | 160 x 14,6mm | 10 | 1.581.700 | 1.708.236 |
| | | 50 x 8,3mm | 20 | 249.000 | 268.920 | | | 160 x 26,6mm | 20 | 2.596.100 | 2.803.788 |
| 6 | Ø 63 | 63 x 5,8mm | 10 | 234.900 | 253.692 | 13 | Ø 200 | 200 x 18,2mm | 10 | 2.394.100 | 2.585.628 |
| | | 63 x 10,5mm | 20 | 392.900 | 424.332 | | | - | - | | |
| 7 | Ø 75 | 75 x 6,8mm | 10 | 328.000 | 354.240 | | | | | | |
| | | 75 x 12,5mm | 20 | 557.200 | 601.776 | | | | | | |

Đo Y...

Handwritten initials



NHỰA BÌNH MINH



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỒNG NHỰA PP-R
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Table with columns for STT, Sản Phẩm, PN, Đơn giá (đồng/cái), and specific product details like 'Nối trơn (Plain socket)', 'Nối rút (Reducing socket)', 'Co 90°', etc.

*Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

| Phụ tùng ống nhựa PP-R | | | | | | Phụ tùng ống nhựa PP-R | | | | | |
|------------------------|---|-------------|-----------|--------------------|------------|--|--------------------------|-----------|-----------|--------------------|------------|
| STT | Sân Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/cái) | | STT | Sân Phẩm | | PN (bar) | Đơn giá (đồng/cái) | |
| | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán | | Tên | Quy cách | | Chưa thuế | Thanh toán |
| 10 | Nối ren ngoài thau (Brass male thread socket) | 20 x 1/2" | 20 | 84.800 | 91.584 | 19 | Chữ T rút (Reducing tee) | 25 x 20 | 20 | 14.700 | 15.876 |
| | | 20 x 3/4" | 20 | 93.600 | 101.088 | | | 32 x 20 | 20 | 25.700 | 27.756 |
| | | 25 x 1/2" | 20 | 97.900 | 105.732 | | | 32 x 25 | 20 | 26.000 | 28.080 |
| | | 25 x 3/4" | 20 | 118.200 | 127.656 | | | 40 x 20 | 20 | 56.600 | 61.128 |
| | | 32 x 3/4" | 20 | 145.600 | 157.248 | | | 40 x 25 | 20 | 57.100 | 61.668 |
| | | 32 x 1" | 20 | 213.200 | 230.256 | | | 40 x 32 | 20 | 57.600 | 62.208 |
| | | 40 x 1.1/4" | 20 | 508.200 | 548.856 | | | 50 x 20 | 20 | 99.500 | 107.460 |
| | | 50 x 1.1/2" | 20 | 635.200 | 686.016 | | | 50 x 25 | 20 | 100.400 | 108.432 |
| | | 63 x 2" | 20 | 1.076.300 | 1.162.404 | | | 50 x 32 | 20 | 101.300 | 109.404 |
| | | 75 x 2.1/2" | 20 | 1.649.700 | 1.781.676 | | | 50 x 40 | 20 | 102.300 | 110.484 |
| 90 x 3" | 20 | 3.334.600 | 3.601.368 | 63 x 20 | 20 | | | 172.600 | 186.408 | | |
| 110 x 4" | 20 | 5.610.400 | 6.059.232 | 63 x 25 | 20 | | | 174.300 | 188.244 | | |
| 11 | Nối ren trong thau (Brass female thread socket) | 20 x 1/2" | 20 | 67.100 | 72.468 | | | 63 x 32 | 20 | 175.800 | 189.864 |
| | | 20 x 3/4" | 20 | 81.900 | 88.452 | | | 63 x 40 | 20 | 177.500 | 191.700 |
| | | 25 x 1/2" | 20 | 82.000 | 88.560 | | | 63 x 50 | 20 | 178.600 | 192.888 |
| | | 25 x 3/4" | 20 | 91.500 | 98.820 | | | 75 x 25 | 20 | 238.600 | 257.688 |
| | | 32 x 3/4" | 20 | 118.300 | 127.764 | | | 75 x 32 | 20 | 240.800 | 260.064 |
| | | 32 x 1" | 20 | 197.600 | 213.408 | | | 75 x 40 | 20 | 242.200 | 261.576 |
| | | 40 x 1" | 20 | 327.600 | 353.808 | | | 75 x 50 | 20 | 246.700 | 266.436 |
| | | 40 x 1.1/4" | 20 | 369.700 | 399.276 | | | 75 x 63 | 20 | 246.700 | 266.436 |
| | | 50 x 1.1/2" | 20 | 490.500 | 529.740 | 90 x 40 | 20 | 364.500 | 393.660 | | |
| | | 63 x 2" | 20 | 992.600 | 1.072.008 | 90 x 50 | 20 | 371.800 | 401.544 | | |
| 12 | Bộ bích kép: Mặt bích, vai bích kép kèm gioăng (Flange with seal & backing) | 32 | 20 | 935.900 | 1.010.772 | 90 x 63 | 20 | 403.700 | 435.996 | | |
| | | 40 | 20 | 1.076.400 | 1.162.512 | 90 x 75 | 20 | 426.900 | 461.052 | | |
| | | 50 | 20 | 1.121.300 | 1.211.004 | 110 x 63 | 20 | 627.900 | 678.132 | | |
| | | 63 | 20 | 1.228.900 | 1.327.212 | 110 x 75 | 20 | 635.400 | 686.232 | | |
| | | 75 | 20 | 1.459.100 | 1.575.828 | 110 x 90 | 20 | 638.400 | 689.472 | | |
| | | 90 | 20 | 1.804.500 | 1.948.860 | 125 x 75 | 20 | 1.160.100 | 1.252.908 | | |
| | | 110 | 20 | 2.357.700 | 2.546.316 | 125 x 90 | 20 | 1.239.600 | 1.338.768 | | |
| | | 125 | 20 | 3.027.400 | 3.269.592 | 140 x 63 | 20 | 1.638.500 | 1.769.580 | | |
| 13 | Ống tránh (Bridging piece) | 140 | 20 | 3.139.500 | 3.390.660 | 140 x 75 | 20 | 1.734.200 | 1.872.936 | | |
| | | 160 | 20 | 3.647.800 | 3.939.624 | 140 x 90 | 20 | 1.888.900 | 2.040.012 | | |
| | | 20 | 20 | 21.200 | 22.896 | 140 x 110 | 20 | 1.941.300 | 2.096.604 | | |
| | | 25 | 20 | 39.800 | 42.984 | 140 x 125 | 20 | 2.326.500 | 2.512.620 | | |
| | | 32 | 20 | 70.600 | 76.248 | 160 x 90 | 20 | 2.197.700 | 2.373.516 | | |
| | | 40 | 20 | 113.000 | 122.040 | 160 x 110 | 20 | 2.333.900 | 2.520.612 | | |
| 14 | Van xoay (Gate valve) | 50 | 20 | 209.300 | 226.044 | 160 x 125 | 20 | 2.606.900 | 2.815.452 | | |
| | | 63 | 20 | 434.300 | 469.044 | 20 x 1/2" | 20 | 92.700 | 100.116 | | |
| | | 20 | 20 | 352.800 | 381.024 | 20 x 3/4" | 20 | 110.800 | 119.664 | | |
| | | 25 | 20 | 405.900 | 438.372 | 25 x 1/2" | 20 | 100.600 | 108.648 | | |
| | | 32 | 20 | 582.300 | 628.884 | 25 x 3/4" | 20 | 121.700 | 131.436 | | |
| | | 40 | 20 | 980.100 | 1.058.508 | 32 x 1" | 20 | 255.800 | 276.264 | | |
| | | 50 | 20 | 1.528.400 | 1.650.672 | 50 x 3/4" | 20 | 418.600 | 452.088 | | |
| 15 | Van gạt (Ball valve) | 63 | 20 | 2.355.100 | 2.543.508 | 50 x 1" | 20 | 470.600 | 508.248 | | |
| | | 75 | 20 | 6.548.100 | 7.071.948 | 20 x 1/2" | 20 | 75.300 | 81.324 | | |
| | | 90 | 20 | 8.910.200 | 9.623.016 | 20 x 3/4" | 20 | 104.000 | 112.320 | | |
| | | 20 | 20 | 329.700 | 356.076 | 25 x 1/2" | 20 | 80.500 | 86.940 | | |
| | | 25 | 20 | 405.900 | 438.372 | 25 x 3/4" | 20 | 117.400 | 126.792 | | |
| | | 32 | 20 | 574.400 | 620.352 | 32 x 1" | 20 | 256.100 | 276.588 | | |
| 16 | Van chặn (Stop valve) | 40 | 20 | 828.500 | 894.780 | 50 x 3/4" | 20 | 494.000 | 533.520 | | |
| | | 50 | 20 | 1.256.200 | 1.356.696 | 50 x 1" | 20 | 520.000 | 561.600 | | |
| | | 63 | 20 | 1.958.900 | 2.115.612 | 20 | 20 | 52.800 | 57.024 | | |
| 17 | Nắp khóa ren ngoài (Male thread end cap) | 25 | 20 | 356.500 | 385.020 | 25 | 20 | 82.000 | 88.560 | | |
| | | 20 x 1/2" | 20 | 18.100 | 19.548 | 32 | 20 | 119.300 | 128.844 | | |
| 18 | Nắp khóa (End cap) | 25 x 3/4" | 20 | 19.500 | 21.060 | 40 | 20 | 129.200 | 139.536 | | |
| | | 20 | 20 | 4.000 | 4.320 | 50 | 20 | 196.000 | 211.680 | | |
| | | 25 | 20 | 6.800 | 7.344 | 63 | 20 | 457.300 | 493.884 | | |
| | | 32 | 20 | 10.300 | 11.124 | Khớp nối sống ren ngoài thau (Brass male thread union) | 25 x 3/4" | 20 | 371.800 | 401.544 | |
| | | 40 | 20 | 13.700 | 14.796 | 32 x 1" | 20 | 584.400 | 631.152 | | |
| | | 50 | 20 | 25.500 | 27.540 | 50 x 1.1/2" | 20 | 1.530.200 | 1.652.616 | | |
| | | 63 | 20 | 127.100 | 137.268 | 63 x 2" | 20 | 2.069.900 | 2.235.492 | | |
| | | 75 | 20 | 217.400 | 234.792 | 20 x 1/2" | 20 | 223.600 | 241.488 | | |
| 90 | 20 | 244.500 | 264.060 | 25 x 3/4" | 20 | 358.200 | 386.856 | | | | |
| 19 | Chữ T ren ngoài thau (Brass male thread tee) | 110 | 20 | 269.100 | 290.628 | 32 x 1" | 20 | 524.900 | 566.892 | | |
| | | 20 | 20 | 4.000 | 4.320 | 40 x 1.1/4" | 20 | 822.500 | 888.300 | | |
| | | 25 | 20 | 6.800 | 7.344 | 50 x 1.1/2" | 20 | 1.432.600 | 1.547.208 | | |
| | | 32 | 20 | 10.300 | 11.124 | 63 x 2" | 20 | 1.909.300 | 2.062.044 | | |
| 20 | Chữ T ren trong thau (Brass female thread tee) | 40 | 20 | 13.700 | 14.796 | 20 x 1/2" | 20 | 75.300 | 81.324 | | |
| | | 50 | 20 | 25.500 | 27.540 | 20 x 3/4" | 20 | 104.000 | 112.320 | | |
| | | 63 | 20 | 127.100 | 137.268 | 25 x 1/2" | 20 | 80.500 | 86.940 | | |
| | | 75 | 20 | 217.400 | 234.792 | 25 x 3/4" | 20 | 117.400 | 126.792 | | |
| 21 | Bộ khớp nối sống (Barrel union) | 90 | 20 | 244.500 | 264.060 | 32 x 1" | 20 | 256.100 | 276.588 | | |
| | | 110 | 20 | 269.100 | 290.628 | 50 x 3/4" | 20 | 494.000 | 533.520 | | |
| | | 20 | 20 | 4.000 | 4.320 | 50 x 1" | 20 | 520.000 | 561.600 | | |
| | | 25 | 20 | 6.800 | 7.344 | 20 | 20 | 52.800 | 57.024 | | |
| 22 | Khớp nối sống ren ngoài thau (Brass male thread union) | 32 | 20 | 10.300 | 11.124 | 25 | 20 | 82.000 | 88.560 | | |
| | | 40 | 20 | 13.700 | 14.796 | 32 | 20 | 119.300 | 128.844 | | |
| | | 50 | 20 | 25.500 | 27.540 | 40 | 20 | 129.200 | 139.536 | | |
| | | 63 | 20 | 127.100 | 137.268 | 50 | 20 | 196.000 | 211.680 | | |
| 23 | Khớp nối sống ren trong thau (Brass female thread union) | 75 | 20 | 217.400 | 234.792 | 63 | 20 | 457.300 | 493.884 | | |
| | | 90 | 20 | 244.500 | 264.060 | Khớp nối sống ren ngoài thau (Brass male thread union) | 25 x 3/4" | 20 | 371.800 | 401.544 | |
| | | 110 | 20 | 269.100 | 290.628 | 32 x 1" | 20 | 584.400 | 631.152 | | |
| | | 20 | 20 | 4.000 | 4.320 | 50 x 1.1/2" | 20 | 1.530.200 | 1.652.616 | | |
| 24 | Khớp nối sống ren trong thau (Brass female thread union) | 25 | 20 | 6.800 | 7.344 | 63 x 2" | 20 | 2.069.900 | 2.235.492 | | |
| | | 32 | 20 | 10.300 | 11.124 | 20 x 1/2" | 20 | 223.600 | 241.488 | | |
| | | 40 | 20 | 13.700 | 14.796 | 25 x 3/4" | 20 | 358.200 | 386.856 | | |
| | | 50 | 20 | 25.500 | 27.540 | 32 x 1" | 20 | 524.900 | 566.892 | | |

*Sân phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.



NHỰA BÌNH MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814

Website: www.binhminhplastic.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

D1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



Từ năm 1997

BẢNG GIÁ ỐNG NHỰA & PHỤ TÙNG PP-R - KHÁNG UV
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

| STT/ No. | Sản Phẩm/ Item | | ĐVT/ Unit | Đơn giá (đồng) Unit price (VND) | |
|-------------|--|----------|--------------|------------------------------------|------------------------|
| | Tên / Product Name | PN (bar) | | Chưa thuế (ex. VAT) | Có thuế (incl. VAT) |
| 1 | ỐNG PPR KHÁNG UV (UV - resistant PPR pipe) (theo tiêu chuẩn/according to DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09) | | | | |
| 1.1 | Ống PP-R dn25x4.2 mm - kháng UV UV - resistant PPR pipe dn25x4,2mm PN20 bar | 20 bar | Mét | 84.900 | 91.692 |
| 2 | PHỤ TÙNG PPR KHÁNG UV (UV - resistant PPR fittings) (theo tiêu chuẩn/according to TCVN 10097-3:2013/ ISO 15874-3:2013/DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09) | | | | |
| 2.1 | Nối PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant Plain Socket PP-R dn25 | 20 bar | Cái/pcs | 8.700 | 9.396 |
| 2.2 | Co PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant 90° Elbow PP-R dn25 | 20 bar | Cái/pcs | 13.000 | 14.040 |
| 2.3 | Co 45 PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant 45° Elbow PP-R dn25 | 20 bar | Cái/pcs | 13.000 | 14.040 |
| 2.4 | T PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant Tee (T) PP-R dn25 | 20 bar | Cái/pcs | 17.700 | 19.116 |
| 2.5 | Khớp nối sống PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant Barrel Union PP-R dn25 | 20 bar | Bộ/set | 98.400 | 106.272 |
| 2.6 | Van xoay PP-R dn25 - kháng UV UV - resistant Gate Valve PP-R dn25 | 20 bar | Cái/pcs | 462.500 | 499.500 |
| 2.7 | Co ren trong thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV UV - resistant female thread Elbow dn25x1/2 | 20 bar | Cái/pcs | 95.200 | 102.816 |
| 2.8 | Co ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant female thread Elbow dn25x3/4 | 20 bar | Cái/pcs | 128.300 | 138.564 |
| 2.9 | Co ren ngoài thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV UV - resistant male thread Elbow dn25x1/2 | 20 bar | Cái/pcs | 133.500 | 144.180 |
| 2.10 | Co ren ngoài thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant male thread Elbow dn25x3/4 | 20 bar | Cái/pcs | 165.900 | 179.172 |
| 2.11 | Nối ren ngoài thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant male thread Socket dn25x3/4 | 20 bar | Cái/pcs | 134.100 | 144.828 |
| 2.12 | Nối ren trong thau PP-R dn25x1/2 - kháng UV UV - resistant female thread Socket dn25x1/2 | 20 bar | Cái/pcs | 93.200 | 100.656 |
| 2.13 | Nối ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant female thread Socket dn25x3/4 | 20 bar | Cái/pcs | 103.100 | 111.348 |
| 2.14 | T ren trong thau PP-R dn25x3/4 - kháng UV UV - resistant female thread Tee dn25x3/4 | 20 bar | Cái/pcs | 132.100 | 142.668 |

Lưu ý Ống PP-R kháng UV có màu đen, đường chỉ sọc màu đỏ
Note UV - resistant PPR pipe is black with a red stripe



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PP-R NHẬP KHẨU
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

| STT/ No. | Sản Phẩm / Item | | Đơn vị tính/ Unit | Đơn giá (đồng)/ Unit price (VND) | |
|--|--|----------|-------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| | Tên/ Product Name | PN (bar) | | Chưa thuế (ex.VAT) | Có thuế (incl.VAT) |
| PHỤ TÙNG PP-R NHẬP KHẨU THÁI LAN - NPI/ PP-R FITTINGS FROM THAILAND - NPI (theo tiêu chuẩn DIN 16962, ISO 15874 và tương đương với sản phẩm PP-R của Nhựa Bình Minh đang sản xuất/ according to DIN 16962, ISO 15874 and equivalent to current Binh Minh Plastics PP-R fittings) | | | | | |
| 1 | Co đôi ren trong thau PP-R dn20x1/2" <i>Female brass thread double Elbow PP-R dn20x1/2"</i> | 20 bar | Cái/ Pcs | 167.400 | 180.792 |
| 2 | Nắp khóa ren ngoài PP-R dn1" <i>Male thread end cap PP-R dn1"</i> | 20 bar | Cái/ Pcs | 20.900 | 22.572 |
| 3 | T rút PP-R dn75x20 <i>Reducing Tee PP-R dn75x20</i> | 20 bar | Cái/ Pcs | 236.500 | 255.420 |
| 4 | T rút PP-R dn110x50 <i>Reducing Tee PP-R dn110x50</i> | 20 bar | Cái/ Pcs | 620.500 | 670.140 |
| 5 | Co ren trong thau PP-R dn32x1/2" <i>Female brass thread elbow PP-R dn32x1/2"</i> | 20 bar | Cái/ Pcs | 136.600 | 147.528 |

Ghi chú/ Note :

Phụ tùng PP-R nhập khẩu của Nawaplastic Industries Co., Ltd (NPI) - Thailand
PP-R fittings are imported from Nawaplastic Industries Co., Ltd (NPI) - Thailand



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814
Website: www.binhminhplastic.com.vn



CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC
Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ CÁC SẢN PHẨM KHÁC
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

| STT/ No. | Sản Phẩm / Item | | Đơn vị tính/ Unit | Đơn giá (đồng)/ Unit price (VND) | |
|-------------|---|-------------------|-------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| | Tên/ Product Name | Quy cách/ Spec | | Chưa thuế (ex.VAT) | Có thuế (incl.VAT) |
| 1 | Bình xịt & Bình phun thuốc bảo vệ thực vật (Plastic sprayers) | 10 lít - BX 4 | Cái | 477.200 | 501.060 |
| | | 5 lít - BX 5 | - | 330.700 | 357.156 |
| | | 2 lít - BX 7 | - | 142.000 | 153.360 |
| | | 1 lít - BX 3 | - | 116.500 | 125.820 |
| | | 1 lít - BX 3b | - | 128.700 | 138.996 |
| 2 | PHỤ TÙNG TƯỚI TIÊU (Fittings for Irrigation) | | | | |
| 2.1 | T ren trong PVC-U dn21x3/8 – Tưới tiêu Female thread tee PVC-U dn21x3/8 – Irrigation | | Cái | 9.900 | 10.692 |
| 2.2 | T chân cắm PVC-U dn21x10 – Tưới tiêu Reducing tee PVC-U dn21x10 – Irrigation | | - | 5.900 | 6.372 |
| 2.3 | Nối ren trong PVC-U dn21x3/8 – Tưới tiêu Female thread socket PVC-U dn21x3/8 – Irrigation | | - | 3.900 | 4.212 |
| 2.4 | Chân cắm POM dn10x3/8 – Tưới tiêu Female thread adapter barb POM dn10x3/8 – Irrigation | | - | 2.600 | 2.808 |
| 2.5 | Chân vặn POM dn6x3/8 – Tưới tiêu Conic thread connector POM dn6x3/8 – Irrigation | | Bộ | 4.100 | 4.428 |
| 2.6 | Bộ béc chân ren ngoài dn17 – 200l/h – Tưới tiêu Male thread sprinkler dn17 – 200l/h – Irrigation | | - | 10.000 | 10.800 |
| 2.7 | Bộ khởi thủy đầu vặn PE dn12 – Tưới tiêu Start connector flare PE dn12 – Irrigation | | - | 3.800 | 4.104 |
| 2.8 | Bộ khởi thủy đầu rút PE dn12 – Tưới tiêu Start connector ring PE dn12 – Irrigation | | - | 4.600 | 4.968 |
| 2.9 | Bộ khởi thủy đầu rút PE dn16 – Tưới tiêu Start connector ring PE dn16 – Irrigation | | - | 7.200 | 7.776 |
| 2.10 | Bộ nối hai đầu rút PE dn12 – Tưới tiêu Fast socket ring PE dn12 – Irrigation | | - | 3.700 | 3.996 |
| 2.11 | Bộ nối rút PA6 dn25x19 – Tưới tiêu Reducing socket PA6 dn25x19 – Irrigation | | - | 10.600 | 11.448 |
| 2.12 | Bộ béc chân cắm dn6 – 200l/h – Tưới tiêu Press fit sprinkler dn6 – 200l/h – Irrigation | | - | 9.300 | 10.044 |







Đỗ Trung
M



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM SANWA
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 04-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

| STT/ No. | Sản Phẩm / Item Tên/ Product Name | Hình ảnh/ Image | Đơn vị tính/ Unit | Đơn giá (đồng)/ Unit price (VND) | |
|-------------|---|--------------------|-------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| | | | | Chưa thuế (ex.VAT) | Có thuế (incl.VAT) |
| 1 | Đồng hồ nước đơn tia dn15mmxG3/4 PN10 <i>Single-jet water meter dn15mmxG3/4 PN10</i> | | Cái | 520.000 | 561.600 |
| 2 | Đồng hồ nước đa tia dn15mmxG3/4 PN10 <i>Multi-jet water meter dn15mmxG3/4 PN10</i> | | - | 697.700 | 753.516 |
| 3 | Vòi gạt thau dn1/2 PN16 tay gạt đỏ <i>Brass ball tap dn1/2 PN16 red lever</i> | | - | 116.400 | 125.712 |
| 4 | Vòi gạt thau dn3/4 PN16 tay gạt đỏ <i>Brass ball tap dn3/4 PN16 red lever</i> | | - | 146.500 | 158.220 |
| 5 | Vòi gạt đầu dài thau dn1/2 PN16 tay gạt đỏ <i>Brass ball tap with hose dn1/2 PN16 red lever</i> | | - | 141.000 | 152.280 |
| 6 | Vòi gạt đầu dài thau dn3/4 PN16 tay gạt đỏ <i>Brass ball tap with hose dn3/4 PN16 red lever</i> | | - | 191.400 | 206.712 |
| 7 | Vòi gạt thau dn1/2 PN16 tay gạt xanh fancy <i>Brass fancy ball tap dn1/2 PN16 blue lever</i> | | - | 87.700 | 94.716 |
| 8 | Vòi gạt đầu dài thau dn1/2 PN16 tay gạt xanh fancy <i>Brass fancy ball tap with hose dn1/2 PN16 blue lever</i> | | - | 101.800 | 109.944 |
| 9 | Van gạt ren trong - ren ngoài thau dn1/2x1/2 PN16 tay gạt xanh <i>Brass male - female threaded ball valve dn1/2x1/2 PN16 blue handle</i> | | - | 88.700 | 95.796 |
| 10 | Van gạt ren ngoài - ren ngoài thau dn1/2x1/2 PN16 tay gạt xanh <i>Brass male - male threaded ball valve dn1/2x1/2 PN16 blue handle</i> | | - | 88.700 | 95.796 |

Đỗ Xuân
M

| STT/ No. | Sản Phẩm / Item | | Đơn vị tính/ Unit | Đơn giá (đồng)/ Unit price (VND) | |
|-------------|--|--|-------------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| | Tên/ Product Name | Hình ảnh/ Image | | Chưa thuế (ex.VAT) | Có thuế (incl.VAT) |
| 11 | Van gạt 3 nhánh ren ngoài thau dn1/2x1/2x1/2 PN16 tay gạt xanh <i>Brass 3-way male threaded ball valve dn1/2x1/2 PN16 blue handle</i> |  | - | 105.300 | 113.724 |
| 12 | Van một chiều lá lật thau DZR dn1/2 PN16 <i>Brass swing check valve DZR dn1/2 PN16</i> |  | - | 123.100 | 132.948 |
| 13 | Van một chiều lá lật thau DZR dn3/4 PN16 <i>Brass swing check valve DZR dn3/4 PN16</i> | | - | 171.000 | 184.680 |
| 14 | Van một chiều lá lật thau DZR dn1 PN16 <i>Brass swing check valve DZR dn1 PN16</i> | | - | 246.100 | 265.788 |
| 15 | Van xoay thau dn1/2 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn1/2 PN16 green handwheel</i> |  | - | 142.000 | 153.360 |
| 16 | Van xoay thau dn3/4 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn3/4 PN16 green handwheel</i> | | - | 212.500 | 229.500 |
| 17 | Van xoay thau dn1 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn1 PN16 green handwheel</i> | | - | 279.600 | 301.968 |
| 18 | Van xoay thau dn1 1/4 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn1 1/4 PN16 green handwheel</i> | | - | 430.600 | 465.048 |
| 19 | Van xoay thau dn1 1/2 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn1 1/2 PN16 green handwheel</i> | | - | 580.300 | 626.724 |
| 20 | Van xoay thau dn2 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn2 PN16 green handwheel</i> | | - | 867.000 | 936.360 |
| 21 | Van xoay thau dn2 1/2 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn2 1/2 PN16 green handwheel</i> | | - | 1.878.300 | 2.028.564 |
| 22 | Van xoay thau dn3 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn3 PN16 green handwheel</i> | | - | 2.602.600 | 2.810.808 |
| 23 | Van xoay thau dn4 PN16 tay xanh lá <i>Brass gate valve dn4 PN16 green handwheel</i> | | - | 4.339.000 | 4.686.120 |
| 24 | Van phao thau dn1/2 <i>Brass compact float valve dn1/2</i> |  | - | 160.900 | 173.772 |
| 25 | Van góc thau DZR dn1/2 PN16 tay gạt đỏ <i>Brass angle ball valve DZR dn1/2 PN16 red handle</i> |  | - | 190.200 | 205.416 |
| 26 | Van gạt thau DZR dn3/4 PN16 tay gạt đỏ <i>Brass ball valve DZR dn3/4 PN16 red handle</i> |  | - | 179.100 | 193.428 |



Đo 2/2
